



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Toán-Tin học (101) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Tối ưu và hệ thống									
14	1011076	Nguyễn Thanh Hùng	Nam	01/03/92	Bắc Giang	6.55	Trung bình khá		Kinh
15	1111157	Hồ Thị Phương Lan	Nữ	23/11/1992	Bình Dương	5.93	Trung bình		Kinh
Chuyên ngành : Xác suất thống kê									
16	1111026	Nguyễn Phú Bình	Nam	01/10/1993	Phú Yên	8.14	Giỏi		Kinh

Tổng số sinh viên : 16
Số sinh viên đạt loại xuất sắc : 0
Số sinh viên đạt loại giỏi: 2
Số sinh viên đạt loại khá : 3
Số sinh viên đạt loại trung bình khá : 10
Số sinh viên đạt loại trung bình : 1

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Toán học (*D460101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Cơ học									
1	1211031	Phạm Trương Hoàng Đức	Nam	19/07/1994	Bình Định	7.63	Khá		
2	1211138	Trương Thị Tâm	Nữ	03/03/1994	Đắk Lắk	7.80	Khá		
3	1211890	Võ Ngọc Lâm	Nam	15/11/1994	Bình Thuận	8.02	Giỏi		
Chuyên ngành : Giải tích									
4	1211004	Nguyễn Việt Anh	Nam	30/09/1994	Đồng Nai	8.51	Giỏi		
5	1211021	Phạm Thế Doanh	Nam	12/03/1994	Tây Ninh	9.24	Xuất sắc		
6	1211030	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	16/10/1994	Cà Mau	9.36	Xuất sắc		
7	1211063	Nguyễn Minh Hưng	Nam	28/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.20	Giỏi		
8	1211064	Nguyễn Nhật Hưng	Nam	08/01/1993	Ninh Thuận	8.38	Giỏi		
9	1211072	Cao Văn Kiên	Nam	05/11/1994	Lâm Đồng	8.36	Giỏi		
10	1211080	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	08/11/1994	Đồng Nai	7.93	Khá		
11	1211095	Đặng Văn Hiền Ngoan	Nam	13/09/1994	Đồng Tháp	7.29	Khá		
12	1211098	Lê Chiêu Hoàng Nguyên	Nam	12/01/1994	Thừa Thiên Huế	8.39	Giỏi		
13	1211099	Nguyễn Thanh Nguyên	Nam	12/03/1994	Sông Bé	9.40	Xuất sắc		
14	1211139	Lê Thị Mai Thanh	Nữ	08/01/1994	Sông Bé	8.15	Giỏi		
15	1211203	Trần Thị Như Ý	Nữ	10/12/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	8.02	Giỏi		
16	1211212	Vũ Đức Thạch Sơn	Nam	25/07/1994	Khánh Hòa	9.45	Xuất sắc		
17	1211966	Nguyễn Phạm Quỳnh Trang	Nữ	17/12/1994	Phú Yên	7.69	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Toán học (*D460101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Giải tích									
18	1211986	Nguyễn Thế Vĩ	Nam	27/06/1994	Lâm Đồng	8.55	Giỏi		
Chuyên ngành : Giải tích số									
19	1211012	Phan Tấn Bình	Nam	10/05/1993	Đắk Lắk	7.86	Khá		
20	1211153	Trần Hoài Thuận	Nam	09/04/1994	Long An	8.00	Giỏi		
21	1211662	Nguyễn Văn Thanh	Nam	07/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.52	Giỏi		
22	1211957	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	18/10/1994	Long An	8.77	Giỏi		
Chuyên ngành : Phương pháp Toán trong tin học									
23	1211018	Hoàng Trọng Chương	Nam	02/09/1994	Đồng Nai	8.56	Giỏi		
24	1211193	Đặng Vinh	Nam	14/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.61	Giỏi		
25	1211916	Đào Thị Lê Nguyên	Nữ	22/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.18	Giỏi		
Chuyên ngành : Sư phạm toán									
26	1211045	Võ Thị Thanh Hằng	Nữ	09/12/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.01	Khá		
27	1211047	Nguyễn Đức Hậu	Nam	12/02/1993	Đồng Nai	6.66	Trung bình khá		
28	1211054	Hoàng Thị Hoàn	Nữ	30/05/1994	Sông Bé	7.02	Khá		
29	1211059	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	29/07/1992	Nam Hà	7.39	Khá		
30	1211066	Hồ Thị Diễm Hương	Nữ	24/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.04	Giỏi		
31	1211074	Lê Hồ Ngọc Kim	Nữ	06/11/1990	TP. Hồ Chí Minh	7.37	Khá		
32	1211087	Đào Minh Lợi	Nam	08/10/1994	Sông Bé	7.27	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Toán học (*D460101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

3 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Sư phạm toán									
33	1211106	Đinh Thị Ái Như	Nữ	26/06/1994	Sông Bé	7.21	Khá		
34	1211114	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	13/01/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.26	Khá		
35	1211117	Hoàng Thị Thu Phương	Nữ	27/06/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	8.04	Giỏi		
36	1211127	Nguyễn Minh Sang	Nam	30/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.59	Khá		
37	1211157	Lê Thị Uyên Thương	Nữ	29/08/1994	Phú Yên	7.24	Khá		
38	1211158	Nguyễn Thị Thương	Nữ	02/01/1993	Quảng Nam - Đà Nẵng	7.36	Khá		
39	1211159	Nguyễn Thị Ngọc Thực	Nữ	03/09/1993	Quảng Ngãi	7.15	Khá		
40	1211160	Phan Thị Thủy Tiên	Nữ	16/01/1994	Tây Ninh	7.41	Khá		
41	1211163	Võ Thị Bích Tiền	Nữ	02/01/1994	Sông Bé	7.56	Khá		
42	1211191	Tổng Khánh Vân	Nữ	21/09/1994	Đắk Lắk	6.90	Trung bình khá		
43	1211201	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	23/08/1993	Sông Bé	6.39	Trung bình khá		
44	1211202	Nguyễn Thị Yến	Nữ	02/07/1994	Nam Định	6.55	Trung bình khá		
45	1211328	Trần Thị Cẩm Hà	Nữ	25/08/1994	Lâm Đồng	7.13	Khá		
46	1211459	Thái Thị Trúc Linh	Nữ	27/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.29	Khá		
47	1211834	Trần Thị Trâm Anh	Nữ	16/02/1993	Đồng Nai	8.04	Giỏi		
48	1211847	Nguyễn Thị Diệu	Nữ	13/09/1994	Đồng Nai	8.09	Giỏi		
49	1211850	Phạm Mỹ Duyên	Nữ	05/12/1993	Đồng Nai	7.39	Khá		
50	1211865	Nguyễn Xuân Hiếu	Nam	16/03/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.47	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Toán học (*D460101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

4 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Sư phạm toán									
51	1211868	Nguyễn Thành Hiệp	Nam	23/07/1994	Long An	6.67	Trung bình khá		
52	1211893	Phan Thị Kim Liên	Nữ	26/01/1994	Đắk Lắk	7.00	Khá		
53	1211906	Nguyễn Đức Nam	Nam	18/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.29	Khá		
54	1211922	Bùi Minh Nhật	Nam	20/04/1994	Quảng Ngãi	7.25	Khá		
55	1211926	Trương Phạm Thảo Nhi	Nữ	06/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.02	Khá		
56	1211948	Nguyễn Trần Thạch Thảo	Nữ	10/06/1994	Bình Thuận	7.07	Khá		
57	1211955	Ngô Thị Thu Thủy	Nữ	17/08/1993	Sông Bé	7.23	Khá		
58	1211956	Nguyễn Trần Minh Thư	Nữ	25/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.56	Giỏi		
59	1211962	Ngô Xuân Tiên	Nữ	26/01/1994	Long An	7.12	Khá		
60	1211963	Lê Hữu Tình	Nam	10/05/1994	Phú Yên	6.75	Trung bình khá		
61	1211983	Phạm Thị Hồng Vân	Nữ	24/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.19	Khá		
Chuyên ngành : Toán tài chính									
62	1211001	H' Thanh Huyền Adrong	Nữ	19/05/1994	Đắk Lắk	6.91	Trung bình khá		
63	1211073	Phan Tuấn Kiệt	Nam	10/08/1994	Sông Bé	7.19	Khá		
64	1211079	Hồ Tiểu Linh	Nữ	12/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.54	Khá		
65	1211104	Nguyễn Bảo An Nhiên	Nữ	06/05/1994	Bình Thuận	7.38	Khá		
66	1211133	Đinh Thái Tài	Nam	12/05/1994	Đồng Nai	7.05	Khá		
67	1211136	Nguyễn Thanh Tâm	Nam	17/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.01	Giỏi		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Toán học (*D460101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

5 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Toán tài chính									
68	1211154	Trần Quang Thuận	Nam	30/03/1994	Tiền Giang	6.94	Trung bình khá		
69	1211176	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	10/08/1993	Đắk Lắk	7.39	Khá		
70	1211182	Ngô Thị Tuyết	Nữ	25/01/1994	Nam Định	8.02	Giỏi		
71	1211192	Trương Tuyết Vân	Nữ	26/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.77	Khá		
72	1211196	Đặng Minh Vương	Nam	28/08/1994	Đồng Tháp	6.97	Trung bình khá		
73	1211362	Lê Thị Phương Hoa	Nữ	01/02/1994	Bình Định	7.01	Khá		
74	1211538	Nguyễn Thị Chí Nguyễn	Nữ	26/11/1994	Bình Thuận	7.62	Khá		
75	1211667	Phạm Quang Thái	Nam	03/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.81	Trung bình khá		
76	1211846	Nguyễn Huyền Diệu	Nữ	22/03/1994	Sông Bé	7.02	Khá		
77	1211863	Lê Thị Thúy Hằng	Nữ	09/02/1994	An Giang	7.71	Khá		
78	1211873	Kiều Lê Huệ	Nữ	10/12/1994	Thanh Hóa	7.47	Khá		
79	1211900	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	10/07/1994	Lâm Đồng	6.62	Trung bình khá		
80	1211920	Đoàn Thị Minh Nguyệt	Nữ	17/12/1994	Lâm Đồng	7.64	Khá		
81	1211943	Vũ Thị Thanh Tâm	Nữ	17/11/1994	Bình Thuận	7.26	Khá		
82	1211945	Lê Trần Quốc Thanh	Nam	16/10/1994	Kiên Giang	6.82	Trung bình khá		
83	1211947	Nguyễn Đức Thành	Nam	31/01/1993	Đồng Nai	7.44	Khá		
84	1211949	Võ Thị Phương Thảo	Nữ	07/04/1993	Ninh Thuận	7.34	Khá		
85	1211979	Võ Thị Kim Tuyền	Nữ	18/03/1993	Quảng Ngãi	7.10	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Toán học (*D460101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

7 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Xác suất Thống kê									
103	1211002	Đặng Trọng Bảo Anh	Nữ	03/12/1994	TP. Cần Thơ	8.08	Giỏi		
104	1211010	Trần Quốc Bảo	Nam	24/06/1993	TP. Hồ Chí Minh	7.32	Khá		
105	1211024	Nguyễn Đức Duy	Nam	25/04/1994	Bình Thuận	7.24	Khá		
106	1211029	Nguyễn Phát Đạt	Nam	11/10/1994	Đồng Nai	7.82	Khá		
107	1211055	Nguyễn Thị Kim Hồng	Nữ	01/07/1994	Long An	8.03	Giỏi		
108	1211148	Nguyễn Thành Thiện	Nam	18/02/1994	Lâm Đồng	6.59	Trung bình khá		
109	1211169	Nguyễn Thị Mai Trâm	Nữ	08/08/1993	Quảng Ngãi	7.54	Khá		
110	1211880	Lữ Quốc Hưng	Nam	16/10/1984	TP. Hồ Chí Minh	8.40	Giỏi		
111	1211937	Nguyễn Thị Mai Phương	Nữ	08/06/1993	TP. Hồ Chí Minh	8.09	Giỏi		
Chuyên ngành : Toán tài chính									
112	1311260	Lee A Rum	Nữ	11/12/1995	TP. Hồ Chí Minh	9.28	Xuất sắc		
113	1311349	Đinh Ngọc Thùy Trang	Nữ	07/12/1995	TP. Hồ Chí Minh	8.85	Giỏi		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Toán học (*D460101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

8 / 8

Tổng số sinh viên :	113
Số sinh viên đạt loại xuất sắc :	5
Số sinh viên đạt loại giỏi:	31
Số sinh viên đạt loại khá :	61
Số sinh viên đạt loại trung bình khá :	16
Số sinh viên đạt loại trung bình :	0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Vật Lý (104) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật lý Ứng dụng									
14	1113011	Trần Kim Tuấn Anh	Nam	04/07/1993	Bình Thuận	6.62	Trung bình khá		Kinh
15	1113495	Trương Doãn Việt	Nam	06/12/1992	Nam Định	6.96	Trung bình khá		Kinh
16	1113511	Nguyễn Nguyên Vũ	Nam	12/01/1993	Kiên Giang	6.66	Trung bình khá		Kinh

Tổng số sinh viên : 16
Số sinh viên đạt loại xuất sắc : 0
Số sinh viên đạt loại giỏi: 0
Số sinh viên đạt loại khá : 4
Số sinh viên đạt loại trung bình khá : 11
Số sinh viên đạt loại trung bình : 1

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Vật lý học (D440102) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 9

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật lý Chất rắn									
1	1213013	Nguyễn Xuân Dinh	Nam	19/07/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.37	Giỏi		
2	1213014	Phạm Thị Mỹ Duyên	Nữ	24/05/1994	Long An	6.98	Trung bình khá		
3	1213015	Nguyễn Anh Duy	Nam	09/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.83	Khá		
4	1213037	Nguyễn Văn Hùng	Nam	20/07/1991	Nam Định	6.61	Trung bình khá		
5	1213067	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	14/05/1994	Bến Tre	7.55	Khá		
6	1213071	Phạm Huỳnh Trọng Nhân	Nam	04/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.45	Trung bình khá		
7	1213078	Nguyễn Thị Ngọc Pha	Nữ	10/09/1994	Tây Ninh	7.37	Khá		
8	1213079	Lý Văn Phú	Nam	10/09/1994	Bến Tre	7.94	Khá		
9	1213107	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	30/08/1994	Lâm Đồng	7.22	Khá		
10	1213694	Lý Hồng Đan	Nữ	05/12/1994	Sông Bé	8.13	Giỏi		
11	1213706	Ngô Hoài Hận	Nam	22/06/1994	Tây Ninh	7.31	Khá		
12	1213717	Nguyễn Bích Huỳnh	Nữ	20/10/1993	Tây Ninh	7.94	Khá		
13	1213765	Trần Hồng Phụng	Nữ	13/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.58	Khá		
14	1213773	Huỳnh Thị Thúy Quỳnh	Nữ	10/08/1994	Long An	8.20	Giỏi		
15	1213782	Đinh Thị Thanh Tâm	Nữ	22/04/1994	Quảng Ngãi	7.30	Khá		
16	1213800	Nguyễn Trần Hoàng Thor	Nữ	10/02/1993	TP. Hồ Chí Minh	7.42	Khá		
Chuyên ngành : Vật lý Địa cầu									
17	1213016	Lê Văn Dương	Nam	14/04/1993	TP. Hải Phòng	6.94	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Vật lý học (D440102) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 9

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật lý Địa cầu									
18	1213023	Thái Ngọc Đức	Nam	08/05/1993	Ninh Thuận	6.62	Trung bình khá		
19	1213036	Võ Hoàng Huy	Nam	20/06/1994	Đồng Nai	6.98	Trung bình khá		
20	1213111	Nguyễn Trung Tính	Nam	23/11/1994	Tây Ninh	6.65	Trung bình khá		
Chuyên ngành : Vật lý Điện tử									
21	1213002	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	12/05/1994	Sông Bé	8.19	Giỏi		
22	1213019	Nguyễn Thanh Đạt	Nam	29/06/1994	Quảng Bình	7.31	Khá		
23	1213024	Nguyễn Thị Giang	Nữ	10/12/1993	Hà Nam	7.00	Khá		
24	1213027	Trịnh Xuân Hải	Nam	16/07/1993	Phú Thọ	7.69	Khá		
25	1213031	Trần Văn Hoàn	Nam	25/01/1994	Nghệ An	7.42	Khá		
26	1213042	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	27/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.60	Trung bình khá		
27	1213046	Nguyễn Trần Hoàng Kim	Nam	01/11/1994	Vĩnh Long	6.80	Trung bình khá		
28	1213065	Bùi Ánh Ngọc	Nữ	30/06/1994	Thanh Hoá	7.03	Khá		
29	1213072	Phạm Thống Nhất	Nam	21/05/1994	Thái Bình	7.24	Khá		
30	1213082	Phạm Ngọc Phương	Nam	10/10/1993	Quảng Bình	6.87	Trung bình khá		
31	1213090	Đinh Trường Sơn	Nam	20/01/1994	Cà Mau	6.94	Trung bình khá		
32	1213102	Phan Văn Thịnh	Nam	01/07/1994	Bình Định	7.70	Khá		
33	1213104	Trần Hoàng Thông	Nam	03/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.15	Khá		
34	1213128	Đặng Thị Hàng Xieu	Nữ	20/05/1994	Ninh Thuận	6.90	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Vật lý học (D440102) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

3 / 9

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật lý Điện tử									
35	1213129	Mai Thanh Xuân	Nữ	15/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.86	Khá		
36	1213137	Đặng Trần Ngọc Anh	Nữ	18/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.03	Khá		
37	1213444	Mai Nữ Kiều Oanh	Nữ	20/11/1994	Nghệ An	7.30	Khá		
38	1213676	Châu Quốc Bình	Nam	03/04/1993	Tiền Giang	7.10	Khá		
39	1213688	Mai Thị Bích Duyên	Nữ	04/11/1994	Khánh Hòa	7.16	Khá		
40	1213699	Võ Văn Đức	Nam	15/07/1994	Bình Thuận	6.76	Trung bình khá		
41	1213714	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	26/11/1994	Thanh Hóa	7.27	Khá		
42	1213744	Phạm Hồng Nghĩa	Nam	19/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.48	Khá		
43	1213754	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	05/02/1994	Nam Định	7.13	Khá		
44	1213772	Bùi Thị Như Quỳnh	Nữ	02/01/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.83	Khá		
45	1213796	Trần Văn Thắng	Nam	26/09/1994	Thanh Hóa	7.28	Khá		
46	1213824	Ngô Phạm Khánh Tuấn	Nam	03/11/1994	Tiền Giang	6.96	Trung bình khá		
47	1213827	Phạm Thanh Tuấn	Nam	01/01/1994	Đồng Nai	7.42	Khá		
Chuyên ngành : Vật lý Hạt nhân									
48	1213001	Mai Quỳnh Anh	Nữ	02/11/1994	Đồng Nai	7.92	Khá		
49	1213008	Vũ Ngọc Biển	Nam	11/10/1994	Hải Hưng	7.43	Khá		
50	1213030	Huỳnh Nguyễn Minh Hiếu	Nam	24/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.02	Giỏi		
51	1213057	Phan Thị Xuân Mai	Nữ	10/02/1993	Ninh Thuận	7.49	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Vật lý học (D440102) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

4 / 9

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật lý Hạt nhân									
52	1213060	Nguyễn Hữu Minh	Nam	25/07/1994	Ninh Thuận	7.18	Khá		
53	1213085	Bùi Đức Quý	Nam	04/08/1994	Đắk Lắk	8.39	Giỏi		
54	1213087	Đặng Phước Sang	Nam	22/07/1994	An Giang	7.53	Khá		
55	1213093	Châu Thành Tài	Nam	18/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	9.15	Xuất sắc		
56	1213109	Lê Thương	Nam	18/01/1994	Ninh Thuận	8.02	Giỏi		
57	1213119	Phan Quốc Trường	Nam	29/08/1994	Nghệ An	7.79	Khá		
58	1213122	Hoàng Đức Tuấn	Nam	16/09/1994	Cao Bằng	8.04	Giỏi		
59	1213244	Bùi Thị Hồng Hạnh	Nữ	24/04/1994	Lâm Đồng	7.80	Khá		
60	1213349	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	25/06/1994	Ninh Thuận	8.12	Giỏi		
61	1213368	Lại Thị Khánh Ly	Nữ	15/08/1994	Thái Bình	9.37	Xuất sắc		
62	1213461	Bùi Thị Phương	Nữ	16/10/1994	Thái Bình	7.58	Khá		
63	1213481	Nguyễn Tiến Quý	Nam	15/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.04	Khá		
64	1213599	Nguyễn Thị Hồng Trang	Nữ	08/08/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.40	Khá		
65	1213615	Lê Đại Trọng	Nam	07/09/1994	Đồng Nai	6.90	Trung bình khá		
66	1213625	Dương Minh Tuấn	Nam	20/04/1994	Bình Định	7.30	Khá		
67	1213641	Lương Thanh Tùng	Nam	20/01/1994	Thuận Hải	7.59	Khá		
68	1213757	Phan Thanh Hoài Phong	Nam	21/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.78	Khá		
69	1213832	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	18/01/1994	Ninh Thuận	7.89	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Vật lý học (D440102) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

5 / 9

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật lý Lý thuyết									
70	1213041	Vũ Ngọc Khánh	Nam	10/07/1994	Khánh Hòa	8.75	Giỏi		
71	1213059	Nguyễn Duy Hoàng Minh	Nam	25/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.83	Giỏi		
72	1213061	Phan Võ Hồng Minh	Nam	24/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.89	Giỏi		
73	1213070	Lưu Hoàng Nhân	Nam	15/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.15	Giỏi		
74	1213084	Lê Hào Quang	Nam	25/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.53	Giỏi		
75	1213133	Nguyễn Minh Nguyễn	Nam	06/09/1994	Khánh Hòa	8.07	Giỏi		
76	1213134	Châu Thiện Nhân	Nam	03/09/1994	Bình Định	8.58	Giỏi		
77	1213672	Nguyễn Văn Bang	Nam	14/06/1992	Bắc Ninh	7.63	Khá		
Chuyên ngành : Vật lý Tin học									
78	1213018	Nguyễn Minh Đạt	Nam	31/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.96	Khá		
79	1213028	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	01/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.21	Giỏi		
80	1213029	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	14/02/1994	Quảng Trị	8.04	Giỏi		
81	1213033	Nguyễn Thị Dương Hồng	Nữ	11/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.54	Khá		
82	1213048	Kim Thị Liên	Nữ	01/10/1994	Nam Định	6.79	Trung bình khá		
83	1213052	Hoàng Thị Kiều Loan	Nữ	12/01/1994	Nam Định	7.29	Khá		
84	1213068	Trần Trọng Nguyễn	Nam	25/01/1994	An Giang	7.34	Khá		
85	1213075	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	25/05/1993	Gia Lai	6.62	Trung bình khá		
86	1213100	Nguyễn Toàn Thắng	Nam	08/05/1994	Tiền Giang	7.45	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Vật lý học (D440102) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

6 / 9

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật lý Tin học									
87	1213108	Nguyễn Anh Thư	Nữ	15/05/1994	Bến Tre	8.03	Giỏi		
88	1213115	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	26/12/1994	Hưng Yên	7.19	Khá		
89	1213124	Hà Tiến Tự	Nam	26/08/1994	Ninh Thuận	7.27	Khá		
90	1213126	Dương Ngọc Lan Vy	Nữ	19/12/1994	Tiền Giang	6.93	Trung bình khá		
91	1213296	Nguyễn Quang Huy	Nam	10/01/1994	Khánh Hòa	7.16	Khá		
92	1213458	Đoàn Vĩnh Phú	Nam	01/01/1994	TP. Cần Thơ	6.92	Trung bình khá		
93	1213636	Nguyễn Hoàng Tú	Nữ	05/04/1994	Đồng Nai	7.41	Khá		
94	1213684	Lê Thị Mỹ Diệu	Nữ	03/11/1994	Quảng Ngãi	8.29	Giỏi		
95	1213701	Nguyễn Ngọc Hà	Nữ	19/11/1994	Kiên Giang	7.36	Khá		
96	1213722	Nguyễn Viêt Khải	Nam	18/06/1993	Kiên Giang	7.12	Khá		
97	1213745	Huỳnh Thị Tố Ngọc	Nữ	16/03/1994	Lâm Đồng	8.25	Giỏi		
98	1213809	Lê Thị Ánh Tiên	Nữ	21/03/1994	Lâm Đồng	7.66	Khá		
99	1213830	Nguyễn Thị Thanh Tú	Nữ	04/02/1993	Lâm Đồng	6.93	Trung bình khá		
Chuyên ngành : Vật lý Ứng dụng									
100	1213010	Trần Thục Bình	Nữ	30/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.81	Khá		
101	1213025	Phạm Thị Cẩm Giang	Nữ	23/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.92	Trung bình khá		
102	1213050	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	21/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.52	Khá		
103	1213056	Nguyễn Thị Thanh Ly	Nữ	23/09/1994	Ninh Thuận	7.43	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Vật lý học (D440102) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

7 / 9

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật lý Ứng dụng									
104	1213066	Huỳnh Thị Hồng Ngọc	Nữ	10/08/1994	Sông Bé	7.45	Khá		
105	1213074	Đặng Thị Hồng Nhung	Nữ	04/01/1994	Đồng Nai	6.73	Trung bình khá		
106	1213077	Nguyễn Thục Oanh	Nữ	02/09/1994	Khánh Hòa	7.89	Khá		
107	1213080	Nguyễn Thị Kim Phụng	Nữ	07/10/1994	Đồng Nai	7.66	Khá		
108	1213096	Tô Ngọc Tân	Nam	01/11/1994	Quảng Trị	8.00	Giỏi		
109	1213097	Hồ Hồng Thái	Nam	15/08/1994	Bến Tre	6.60	Trung bình khá		
110	1213118	Hà Nguyễn Thanh Trúc	Nữ	10/10/1994	Sông Bé	6.96	Trung bình khá		
111	1213121	Đỗ Tấn Trục	Nam	20/08/1993	Bình Thuận	7.18	Khá		
112	1213127	Trần Thị Khánh Vy	Nữ	03/12/1993	TP. Hồ Chí Minh	7.42	Khá		
113	1213247	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	28/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.59	Khá		
114	1213367	Lê Tấn Lực	Nam	05/01/1994	Ninh Thuận	7.25	Khá		
115	1213438	Châu Thị Yến Như	Nữ	10/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.76	Khá		
116	1213510	Trần Thị Cẩm Sương	Nữ	21/04/1994	Lâm Đồng	6.97	Trung bình khá		
117	1213675	Đặng Thị Bích	Nữ	25/09/1994	Sông Bé	7.28	Khá		
118	1213685	Nguyễn Thị Dịu	Nữ	17/09/1994	Thái Bình	7.51	Khá		
119	1213698	Nguyễn Văn Đức	Nam	11/11/1994	Lâm Đồng	6.85	Trung bình khá		
120	1213709	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	23/11/1994	Sông Bé	6.97	Trung bình khá		
121	1213716	Lê Quang Huy	Nam	07/07/1994	Lâm Đồng	6.75	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Vật lý học (D440102) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

8 / 9

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật lý Ứng dụng									
122	1213723	Nguyễn Lê Đăng Khoa	Nam	03/02/1994	Bình Thuận	7.26	Khá		
123	1213738	Nguyễn Thị Mừng	Nữ	15/09/1994	Ninh Bình	7.74	Khá		
124	1213739	Trần Thị Lệ Nam	Nữ	17/04/1994	Quảng Nam	8.06	Giỏi		
125	1213755	Trương Thị Ngọc Oanh	Nữ	16/05/1994	Long An	8.17	Giỏi		
126	1213761	Huỳnh Thị Bình Phương	Nữ	12/09/1994	Long An	7.70	Khá		
127	1213763	Đỗ Thị Ngọc Phượng	Nữ	25/10/1994	Phú Yên	7.21	Khá		
128	1213764	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	29/10/1994	Hà Tây	7.29	Khá		
129	1213771	Trương Thị Hồng Quế	Nữ	03/04/1994	Tây Ninh	7.07	Khá		
130	1213790	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	20/02/1994	Đắk Lắk	7.66	Khá		
131	1213798	Trang Minh Thiệu	Nam	25/10/1994	Vĩnh Long	6.62	Trung bình khá		
132	1213803	Lê Nguyễn Minh Thư	Nữ	15/12/1994	Đồng Nai	6.93	Trung bình khá		
133	1213813	Tôn Nữ Quỳnh Trang	Nữ	02/01/1994	Quảng Ngãi	8.06	Giỏi		
134	1213819	Nguyễn Hiếu Trung	Nam	25/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.99	Trung bình khá		
135	1213840	Cao Thị Ly Ly	Nữ	15/10/1994	Bình Định	7.05	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Vật lý học (D440102) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

9 / 9

Tổng số sinh viên :	135
Số sinh viên đạt loại xuất sắc :	2
Số sinh viên đạt loại giỏi:	25
Số sinh viên đạt loại khá :	77
Số sinh viên đạt loại trung bình khá :	31
Số sinh viên đạt loại trung bình :	0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Điện tử - Viễn thông (105) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Điện tử									
1	1020137	Nguyễn Hoàn Phước Nhân	Nam	28/05/90	Đồng Nai	6.58	Trung bình khá		Kinh
2	1020166	Phạm Việt Phương	Nam	05/03/92	Quảng Bình	6.10	Trung bình khá		Kinh
Chuyên ngành : Máy tính và Hệ thống nhúng									
3	0920009	Huỳnh Tấn Cường	Nam	03/05/91	TP. Hồ Chí Minh	7.41	Khá		Kinh
4	1020176	Đoàn Thanh Sang	Nam	15/01/92	Đồng Nai	7.06	Khá		Kinh
5	1120019	Nguyễn Công Bình	Nam	21/08/1991	Quảng Nam - Đà Nẵng	7.08	Khá		Kinh
6	1120020	Bùi Trung Chánh	Nam	27/05/1993	Đồng Tháp	6.47	Trung bình khá		Kinh
7	1120027	Trần Phạm Cương	Nam	05/02/1993	Nam Định	6.80	Trung bình khá		Kinh
8	1120168	Trần Thanh Thông	Nam	12/10/1993	Bình Định	6.46	Trung bình khá		Kinh
9	1120179	Nguyễn Mạnh Toàn	Nam	30/11/1993	Ninh Bình	6.75	Trung bình khá		Kinh
10	1120220	Phan Trần Khôi Nguyên	Nam	11/05/1993	Đồng Tháp	7.29	Khá		Kinh
Chuyên ngành : Viễn thông và mạng									
11	1120094	Võ Thắng Lợi	Nam	10/03/1993	Phú Yên	6.67	Trung bình khá		Kinh
12	1120194	Lê Anh Tuấn	Nam	11/01/1993	TP. Hồ Chí Minh	6.86	Trung bình khá		Kinh



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Điện tử - Viễn thông (105) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 2

Tổng số sinh viên :	12
Số sinh viên đạt loại xuất sắc :	0
Số sinh viên đạt loại giỏi:	0
Số sinh viên đạt loại khá :	4
Số sinh viên đạt loại trung bình khá :	8
Số sinh viên đạt loại trung bình :	0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Kỹ thuật điện tử, truyền thông (D520207) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Điện tử									
1	1220029	Lê Minh Hải	Nam	12/07/1994	Trà Vinh	7.42	Khá		
2	1220085	Nguyễn Văn Phúc	Nam	29/01/1994	Quảng Ngãi	7.41	Khá		
3	1220094	Nguyễn Mỹ Quý	Nam	02/11/1994	An Giang	8.26	Giỏi		
4	1220095	Trần Công Ngọc Quý	Nam	11/02/1994	Tiền Giang	7.71	Khá		
5	1220126	Phạm Quang Trường	Nam	17/04/1994	Bình Định	7.37	Khá		
6	1220127	Đoàn Văn Tuấn	Nam	12/01/1993	Đắk Lắk	6.39	Trung bình khá		
7	1220128	Phạm Hoàng Tuấn	Nam	01/01/1994	Bình Dương	8.21	Giỏi		
8	1220131	Phan Ngọc Tú	Nam	28/05/1994	Đắk Lắk	7.79	Khá		
9	1220136	Trần Kim Yến	Nữ	15/08/1994	Bạc Liêu	7.48	Khá		
10	1220186	Lê Công Hạnh	Nam	12/07/1994	Tây Ninh	7.59	Khá		
11	1220227	Tăng Diệu Khánh	Nam	30/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.84	Khá		
12	1220261	Lê Trọng Nghĩa	Nam	27/11/1994	Long An	8.78	Giỏi		
13	1220278	Mã Hoàng Nhân	Nam	09/07/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.84	Trung bình khá		
14	1220296	Từ Hoàng Phương	Nam	07/11/1994	Vĩnh Long	7.72	Khá		
15	1220347	Mai Thị Thoa	Nữ	03/02/1994	Khánh Hòa	6.92	Trung bình khá		
Chuyên ngành : Máy tính và Hệ thống nhúng									
16	1220015	Nguyễn Văn Cường	Nam	10/08/1994	Bình Định	7.66	Khá		
17	1220016	Võ Phạm Mạnh Cường	Nam	15/04/1994	Quảng Ngãi	8.03	Giỏi		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Kỹ thuật điện tử, truyền thông (D520207) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Máy tính và Hệ thống nhúng									
18	1220026	Nguyễn Văn Đạt	Nam	07/03/1994	Thái Nguyên	7.68	Khá		
19	1220027	Trần Tiến Đạt	Nam	04/10/1993	Đồng Nai	8.16	Giỏi		
20	1220038	Quách Huy Hoàng	Nam	09/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.58	Khá		
21	1220044	Đỗ Kiến Hưng	Nam	21/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.31	Khá		
22	1220054	Nguyễn Đức Linh	Nam	09/05/1994	Nghệ An	7.45	Khá		
23	1220063	Phạm Thế Nam	Nam	10/11/1994	Đắk Lắk	7.59	Khá		
24	1220068	Nguyễn Lê Nguyên	Nam	05/10/1994	Quảng Ngãi	7.00	Khá		
25	1220086	Lê Văn Phú	Nam	25/12/1994	Quảng Ngãi	7.17	Khá		
26	1220087	Nguyễn Tấn Phú	Nam	21/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.53	Khá		
27	1220089	Nguyễn Tiến Phương	Nữ	16/08/1994	Vĩnh Long	8.14	Giỏi		
28	1220100	Võ Lương Tàu	Nam	06/01/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.26	Khá		
29	1220101	Trần Minh Tâm	Nam	20/10/1994	Bình Định	7.55	Khá		
30	1220105	Lê Văn Thành	Nam	19/10/1994	Thanh Hóa	6.80	Trung bình khá		
31	1220109	Trần Hoàng Thiện	Nam	30/11/1994	Long An	7.18	Khá		
32	1220112	Đào Minh Thúc	Nam	10/01/1994	Long An	7.29	Khá		
33	1220116	Lưu Trung Tín	Nam	17/07/1994	TP. Cần Thơ	8.07	Giỏi		
34	1220122	Võ Ngọc Trọng	Nam	12/11/1994	Đồng Nai	7.28	Khá		
35	1220123	Phạm Thành Trung	Nam	08/11/1994	Kiên Giang	6.94	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Kỹ thuật điện tử, truyền thông (D520207) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

3 / 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Máy tính và Hệ thống nhúng									
36	1220163	Nguyễn Hoàng Minh Duy	Nam	14/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.02	Giỏi		
37	1220228	Nguyễn Phạm Minh Khoa	Nam	04/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.63	Trung bình khá		
38	1220262	Nguyễn Nho Nghĩa	Nam	05/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.46	Khá		
39	1220289	Giang Thanh Phúc	Nam	04/05/1994	Bạc Liêu	7.52	Khá		
40	1220349	Võ Minh Thông	Nam	23/02/1994	Vĩnh Long	6.93	Trung bình khá		
41	1220373	Mai Hoàng Tuấn	Nam	25/10/1994	Đồng Nai	7.86	Khá		
Chuyên ngành : Viễn thông và mạng									
42	1220008	Cao Quốc Bảo	Nam	05/11/1994	Bình Định	7.12	Khá		
43	1220013	Nguyễn Chí Cường	Nam	21/06/1994	Khánh Hòa	6.89	Trung bình khá		
44	1220018	Trần Văn Danh	Nam	04/06/1994	Đắk Lắk	6.97	Trung bình khá		
45	1220020	Nguyễn Phạm Hạnh Dung	Nữ	02/08/1994	Khánh Hòa	6.93	Trung bình khá		
46	1220021	Lê Đình Duy	Nam	27/06/1994	Bình Định	8.03	Giỏi		
47	1220022	Lê Văn Dương	Nam	01/06/1994	Thanh Hóa	6.81	Trung bình khá		
48	1220031	Phan Huỳnh Giang Hạ	Nam	05/12/1994	Bến Tre	6.78	Trung bình khá		
49	1220032	Nguyễn Thị Trường Hân	Nữ	20/06/1994	Phú Yên	7.83	Khá		
50	1220035	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	13/02/1994	Nghệ An	7.25	Khá		
51	1220036	Mai Văn Hình	Nam	02/02/1993	Quảng Nam	6.64	Trung bình khá		
52	1220037	Hứa Vũ Huy Hoàng	Nam	24/07/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.13	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Kỹ thuật điện tử, truyền thông (D520207) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

4 / 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Viễn thông và mạng									
53	1220042	Nguyễn Thái Huy	Nam	02/08/1994	An Giang	7.32	Khá		
54	1220052	Mai Văn Lâm	Nam	10/05/1994	Thanh Hóa	6.92	Trung bình khá		
55	1220056	Nguyễn Thị Yến Ly	Nữ	27/02/1994	Bình Định	6.84	Trung bình khá		
56	1220060	Văn Công Minh	Nam	02/05/1994	Đồng Nai	7.39	Khá		
57	1220064	Đỗ Trọng Ngân	Nam	16/01/1994	Tây Ninh	7.81	Khá		
58	1220070	Võ Đại Phúc Nguyên	Nam	08/08/1994	Bình Định	7.02	Khá		
59	1220071	Bùi Việt Ngữ	Nam	03/07/1994	Tây Ninh	7.17	Khá		
60	1220073	Trần Văn Nhân	Nam	03/03/1994	Đắk Lắk	7.57	Khá		
61	1220077	Nguyễn Thị Tổ Như	Nữ	07/11/1994	Đắk Lắk	8.01	Giỏi		
62	1220080	Trương Phát	Nam	12/06/1994	Kiên Giang	7.51	Khá		
63	1220096	Nguyễn Văn Quy	Nam	10/04/1993	Hải Hưng	7.47	Khá		
64	1220099	Nguyễn Hữu Tài	Nam	03/05/1994	Ninh Thuận	8.84	Giỏi		
65	1220104	Nguyễn Lê Thanh Thái	Nam	30/12/1994	Quảng Ngãi	6.58	Trung bình khá		
66	1220107	Phan Văn Thành	Nam	06/06/1994	Quảng Ngãi	7.93	Khá		
67	1220110	Ngô Tiến Thịnh	Nam	07/02/1994	Tiền Giang	6.80	Trung bình khá		
68	1220113	Lại Văn Anh Thức	Nam	15/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.80	Trung bình khá		
69	1220118	Nguyễn Nhã Ngọc Toàn	Nam	14/11/1993	TP. Hồ Chí Minh	7.75	Khá		
70	1220121	Huỳnh Thanh Trí	Nam	25/08/1994	Bình Thuận	7.30	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Kỹ thuật điện tử, truyền thông (D520207) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

5 / 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Viễn thông và mạng									
71	1220124	Nguyễn Đồng Cẩm Trúc	Nữ	10/12/1994	Bình Định	6.83	Trung bình khá		
72	1220133	Cao Thuỳ Vân	Nữ	28/02/1994	Tiền Giang	6.55	Trung bình khá		
73	1220135	Võ Văn Vi	Nam	02/06/1994	Bình Định	8.17	Giỏi		
74	1220161	Lương Thị Dịu	Nữ	13/09/1994	Thái Bình	8.09	Giỏi		
75	1220173	Bùi Quang Đức	Nam	28/10/1994	Bình Định	6.81	Trung bình khá		
76	1220249	Hoàng Thị Mến	Nữ	30/01/1993	Thái Nguyên	7.20	Khá		
77	1220353	Nguyễn Thị Hồng Thương	Nữ	02/08/1994	Nam Hà	7.07	Khá		
78	1220368	Trần Trung Hiếu Trọng	Nam	11/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.55	Khá		
79	1220372	Hồ Anh Tuấn	Nam	22/01/1993	Bình Định	6.63	Trung bình khá		
80	1220397	Huỳnh Ngọc Thanh Vy	Nữ	26/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.82	Khá		

Tổng số sinh viên : 80
Số sinh viên đạt loại xuất sắc : 0
Số sinh viên đạt loại giỏi: 13
Số sinh viên đạt loại khá : 45
Số sinh viên đạt loại trung bình khá : 22
Số sinh viên đạt loại trung bình : 0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Kỹ thuật hạt nhân (D520402) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 3

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Kỹ thuật hạt nhân									
1	1223011	Vũ Thị Thuỷ Dung	Nữ	05/09/1994	Kon Tum	8.29	Giỏi		
2	1223017	Phan Hải Đăng	Nam	02/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.93	Khá		
3	1223030	Phan Nhật Khang	Nam	30/04/1994	Bình Định	8.70	Giỏi		
4	1223034	Nguyễn Thị Kim Lài	Nữ	09/07/1994	Phú Yên	8.06	Giỏi		
5	1223036	Phạm Cao Lâm	Nam	16/11/1994	Gia Lai	7.34	Khá		
6	1223039	Lê Bửu Lo	Nam	03/11/1994	An Giang	8.33	Giỏi		
7	1223041	Phạm Đức Minh	Nam	09/02/1994	Sông Bé	7.25	Khá		
8	1223047	Nguyễn Thị Bình Nguyên	Nữ	10/07/1994	Đắk Lắk	7.89	Khá		
9	1223048	Trịnh Thảo Nguyên	Nữ	24/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.13	Giỏi		
10	1223051	Trần Minh Phan	Nam	12/03/1993	Nam Định	6.95	Trung bình khá		
11	1223054	Nguyễn Ngọc Phi	Nam	26/08/1994	Phú Yên	7.11	Khá		
12	1223058	Trần Bá Quang	Nam	08/01/1993	Thừa Thiên Huế	7.23	Khá		
13	1223062	Trần Trọng Thanh Tâm	Nam	30/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	9.13	Xuất sắc		
14	1223064	Nguyễn Anh Tân	Nam	30/09/1993	Đồng Nai	7.20	Khá		
15	1223079	Nguyễn Kim Tính	Nam	07/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.35	Giỏi		
Chuyên ngành : Năng lượng và điện hạt nhân									
16	1223003	Phạm Minh Tuấn Anh	Nam	19/08/1994	Đồng Tháp	8.62	Giỏi		
17	1223013	Nguyễn Ngọc Duy	Nam	08/08/1994	Ninh Thuận	7.13	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Kỹ thuật hạt nhân (D520402) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 3

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Năng lượng và điện hạt nhân									
18	1223023	Nguyễn Tổng Giang	Nam	13/12/1994	Khánh Hòa	7.59	Khá		
19	1223056	Ngô Thanh Phú	Nam	02/03/1994	Ninh Thuận	7.97	Khá		
20	1223073	Ngô Quốc Thịnh	Nam	14/02/1994	Ninh Thuận	6.99	Trung bình khá		
21	1223078	Trần Văn Tiến	Nam	10/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.58	Giỏi		
22	1223087	Nguyễn Văn Hoàng Việt	Nam	03/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	9.31	Xuất sắc		
Chuyên ngành : Vật lý y khoa									
23	1223004	Nguyễn Hải An	Nam	17/02/1994	Kiên Giang	7.30	Khá		
24	1223016	Nguyễn Hải Đăng	Nam	18/10/1994	Lâm Đồng	8.04	Giỏi		
25	1223021	Nguyễn Tấn Được	Nam	16/03/1994	Sông Bé	9.04	Xuất sắc		
26	1223028	Lê Văn Hùng	Nam	20/04/1994	Quảng Bình	7.30	Khá		
27	1223032	Phạm Đăng Khoa	Nam	13/12/1994	Mình Hải	7.97	Khá		
28	1223038	Võ Tấn Linh	Nam	16/04/1994	Bình Định	8.11	Giỏi		
29	1223045	Bùi Thị Thuý Nga	Nữ	12/08/1994	Đồng Nai	7.72	Khá		
30	1223050	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	Nữ	10/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.92	Trung bình khá		
31	1223053	Trần Phát	Nam	23/08/1994	Bến Tre	7.85	Khá		
32	1223060	Nguyễn Công Tâm	Nam	18/07/1994	Khánh Hòa	6.95	Trung bình khá		
33	1223067	Trương Hữu Thanh	Nam	24/09/1994	Sông Bé	7.72	Khá		
34	1223072	Nguyễn Đình Thi	Nam	08/11/1994	Sông Bé	7.03	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Kỹ thuật hạt nhân (D520402) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

3 / 3

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật lý y khoa									
35	1223075	Cao Minh Thông	Nam	18/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.43	Giỏi		
36	1223086	Nguyễn Thị Vân	Nữ	15/06/1994	Nghệ An	7.64	Khá		

Tổng số sinh viên : 36
Số sinh viên đạt loại xuất sắc : 3
Số sinh viên đạt loại giỏi: 11
Số sinh viên đạt loại khá : 18
Số sinh viên đạt loại trung bình khá : 4
Số sinh viên đạt loại trung bình : 0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ thông tin (107) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Hệ thống thông tin									
1	1112045	Lê Trọng Duy	Nam	29/01/1993	Ninh Thuận	6.60	Trung bình khá		Kinh
2	1112142	Hoàng Nguyễn Anh Khoa	Nam	05/03/1993	TP. Hồ Chí Minh	8.10	Giỏi		Kinh
3	1112394	Lê Hồng Vũ	Nam	14/07/1993	Phú Yên	6.01	Trung bình khá		Kinh
4	1112420	Nguyễn Cao Phương Duy	Nam	24/03/1992	Ninh Thuận	6.26	Trung bình khá		Kinh
5	1112508	Phan Huỳnh Diệp Trúc	Nữ	04/12/1993	TP. Hồ Chí Minh	6.40	Trung bình khá		Kinh
Chuyên ngành : Mạng máy tính & truyền thông									
6	1112230	Nguyễn Ngọc Phương	Nam	10/12/1993	Bình Thuận	6.15	Trung bình khá		Kinh
Chuyên ngành : Công nghệ tri thức									
7	1112072	Trần Hải Đăng	Nam	15/10/1993	TP. Hồ Chí Minh	6.79	Trung bình khá		Kinh
Chuyên ngành : Kỹ thuật phần mềm									
8	1012028	Đào Xuân Bình	Nam	05/01/92	Khánh Hòa	6.12	Trung bình khá		Kinh
9	1012042	Dương Thái Cường	Nam	25/07/92	Phú Yên	6.65	Trung bình khá		Kinh
10	1012162	Hồ Doãn Quốc Huy	Nam	12/10/92	TP. Hồ Chí Minh	6.51	Trung bình khá		Kinh
11	1012174	Phan Quốc Hùng	Nam	05/09/92	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.70	Trung bình khá		Kinh
12	1012206	Tôn Thất Thiện Kỳ	Nam	02/04/92	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.15	Trung bình khá		Kinh
13	1112097	Lê Duy Hoàng	Nam	02/08/1993	Tiền Giang	6.20	Trung bình khá		Kinh
14	1112117	Nguyễn Huy Hùng	Nam	18/12/1993	Tiền Giang	6.98	Trung bình khá		Kinh
15	1112123	Lê Nguyễn Phước Hưng	Nam	28/07/1993	Đồng Tháp	7.44	Khá		Kinh



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ thông tin (107) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Kỹ thuật phần mềm									
16	1112226	Nguyễn Trần Thiên Phú	Nam	14/10/1993	TP. Hồ Chí Minh	6.59	Trung bình khá		Kinh
17	1112317	Nguyễn Minh Thuận	Nam	09/05/1993	Bình Thuận	6.10	Trung bình khá		Kinh
Chuyên ngành : Nhóm ngành Công nghệ thông tin (không theo ngành hẹp)									
18	1012297	Đặng Hà Phong	Nam	15/12/92	Bình Định	6.32	Trung bình khá		Kinh
19	1112158	Trương Quang Lân	Nam	11/12/1993	Quảng Ngãi	6.82	Trung bình khá		Kinh
20	1112252	Hán Văn Sinh	Nam	05/07/1993	Ninh Thuận	6.12	Trung bình khá		Chăm
21	1112260	Lê Hoàng Sơn	Nam	21/09/1993	Đồng Nai	6.63	Trung bình khá		Kinh

Tổng số sinh viên : 21
Số sinh viên đạt loại xuất sắc : 0
Số sinh viên đạt loại giỏi: 1
Số sinh viên đạt loại khá : 1
Số sinh viên đạt loại trung bình khá : 19
Số sinh viên đạt loại trung bình : 0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa học máy tính (*D480101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Không có chuyên ngành									
1	1212002	Đoàn Ngọc Anh	Nam	13/07/1994	Lâm Đồng	8.17	Giỏi		
2	1212012	Võ Phạm Bảo Anh	Nam	16/10/1994	Long An	7.72	Khá		
3	1212025	Nguyễn Xuân Cảnh	Nam	18/07/1994	Lâm Đồng	8.89	Giỏi		
4	1212068	Trần Ngọc Dân	Nam	14/11/1993	Quảng Trị	7.08	Khá		
5	1212069	Nguyễn Hoàng Bảo Đại	Nam	28/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.35	Giỏi		
6	1212084	Nguyễn Lương Điền	Nam	23/07/1994	Kiên Giang	8.00	Giỏi		
7	1212295	Trần Hoàng Phúc	Nam	10/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.85	Trung bình khá		
8	1212358	Phạm Ngọc Thanh	Nam	22/03/1994	Khánh Hòa	8.15	Giỏi		
9	1212372	Trần Công Thạch	Nam	04/10/1994	Bình Định	8.22	Giỏi		
Chuyên ngành : Thị giác máy tính và Khoa học Robot									
10	1212122	Hồ Ngọc Hiếu	Nam	24/08/1994	Kiên Giang	6.49	Trung bình khá		
11	1212187	Phan Khôi	Nam	21/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.21	Khá		
12	1212268	Nguyễn Phạm Bảo Nguyên	Nam	25/01/1994	Ninh Thuận	8.07	Giỏi		
13	1212274	Đỗ Thành Nhân	Nam	01/06/1994	Quảng Ngãi	7.36	Khá		
14	1212296	Trương Hoàng Phúc	Nam	21/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.76	Khá		
15	1212317	Hà Tấn Sang	Nam	30/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.13	Giỏi		
16	1212423	Hồ Quốc Toàn	Nam	27/12/1994	Đắk Lắk	7.75	Khá		
17	1212459	Phan Thị Thanh Trúc	Nữ	26/11/1994	Bến Tre	7.49	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa học máy tính (*D480101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Thị giác máy tính và Khoa học Robot									
18	1212504	Nguyễn Thị Kim Uyên	Nữ	04/10/1994	Ninh Thuận	7.84	Khá		
Chuyên ngành : Công nghệ tri thức									
19	1212049	Nguyễn Trọng Du	Nam	19/05/1994	Gia Lai	6.61	Trung bình khá		
20	1212076	Nguyễn Vĩnh Đạt	Nam	04/11/1994	Khánh Hòa	6.93	Trung bình khá		
21	1212095	Lê Huỳnh Đức	Nam	25/06/1994	Phú Yên	7.41	Khá		
22	1212243	Phạm Dương Thế Mỹ (Nợ học phí)	Nữ	23/12/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.54	Khá		
23	1212533	Hồ Thị Xanh	Nữ	09/06/1994	Phú Yên	8.24	Giỏi		

Tổng số sinh viên : 23
Số sinh viên đạt loại xuất sắc : 0
Số sinh viên đạt loại giỏi: 9
Số sinh viên đạt loại khá : 10
Số sinh viên đạt loại trung bình khá : 4
Số sinh viên đạt loại trung bình : 0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Kỹ thuật phần mềm (D480103) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Không có chuyên ngành									
1	1212005	Nguyễn Công Tuấn Anh	Nam	25/10/1994	Kiên Giang	7.72	Khá		
2	1212024	Phạm Lưu Thanh Bình	Nam	19/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.85	Trung bình khá		
3	1212027	Nguyễn Phú Châu	Nam	26/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.18	Khá		
4	1212034	Nguyễn Xuân Chương (Nợ học phí)	Nam	01/03/1994	Quảng Nam	7.77	Khá		
5	1212035	Phan Văn Công	Nam	11/03/1994	Bình Định	6.73	Trung bình khá		
6	1212039	Nguyễn Dương Thanh Cường	Nam	24/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.88	Trung bình khá		
7	1212041	Nguyễn Trọng Cường	Nam	13/08/1994	Bình Thuận	7.02	Khá		
8	1212042	Thái Văn Cường	Nam	29/03/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.55	Khá		
9	1212043	Nguyễn Hữu Danh	Nam	31/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.01	Khá		
10	1212046	Đoàn Công Đình	Nam	16/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.80	Trung bình khá		
11	1212050	Đinh Lê Mạnh Duy	Nam	12/06/1994	Tiền Giang	8.14	Giỏi		
12	1212051	Lê Bảo Duy	Nam	27/03/1994	Kiên Giang	7.34	Khá		
13	1212056	Trần Anh Duy	Nam	04/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.97	Giỏi		
14	1212061	Trần Việt Dũng	Nam	01/12/1994	Bình Thuận	7.57	Khá		
15	1212067	Nguyễn Thanh Đà	Nam	26/07/1993	Bình Định	6.52	Trung bình khá		
16	1212078	Phạm Tiến Đạt	Nam	29/10/1994	Sóc Trăng	7.21	Khá		
17	1212091	Trần Tiến Độ	Nam	01/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.01	Giỏi		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Kỹ thuật phần mềm (*D480103*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Không có chuyên ngành									
18	1212101	Lưu Hoàng Giang	Nam	25/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.61	Khá		
19	1212108	Lê Anh Hào	Nam	09/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.31	Khá		
20	1212109	Lê Tú Hào	Nam	23/03/1994	Quảng Ngãi	7.56	Khá		
21	1212111	Nguyễn Hữu Hải	Nam	20/03/1994	Phú Yên	8.08	Giỏi		
22	1212113	Lê Hoàn Hào	Nam	05/08/1994	Kon Tum	7.03	Khá		
23	1212118	Nguyễn Văn Hậu	Nam	06/11/1994	Bình Thuận	8.66	Giỏi		
24	1212138	Nguyễn Văn Hòa	Nam	30/06/1994	Khánh Hòa	7.43	Khá		
25	1212139	Trương Thị Ánh Hồng	Nữ	18/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.58	Giỏi		
26	1212146	Mai Khải Huy	Nam	16/02/1994	An Giang	7.42	Khá		
27	1212156	Huỳnh Nguyễn Phúc Huỳnh	Nam	22/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.68	Khá		
28	1212182	Nguyễn Văn Khoa	Nam	10/05/1994	Quảng Ngãi	7.43	Khá		
29	1212190	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	01/01/1994	Phú Yên	7.59	Khá		
30	1212206	Đặng Cửu Hoàng Long	Nam	26/06/1994	Gia Lai	7.59	Khá		
31	1212210	Nguyễn Vũ Như Long	Nam	23/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.57	Giỏi		
32	1212211	Phạm Hoàng Bảo Long	Nam	07/11/1994	Đắk Lắk	7.43	Khá		
33	1212214	Ngô Đức Lộc	Nam	14/11/1994	Long An	6.95	Trung bình khá		
34	1212216	Phạm Phước Lộc	Nam	12/07/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.71	Khá		
35	1212219	Huỳnh Thái Luân	Nam	28/11/1993	TP. Hồ Chí Minh	7.52	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Kỹ thuật phần mềm (*D480103*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

3 / 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Không có chuyên ngành									
36	1212236	Nguyễn Hoàng Minh	Nam	13/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.84	Khá		
37	1212246	Hồ Sĩ Nam	Nam	14/06/1994	Đắk Lắk	7.04	Khá		
38	1212259	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	21/09/1994	Sông Bé	7.01	Khá		
39	1212316	Trần Phú Quý	Nam	25/06/1994	Đồng Nai	6.58	Trung bình khá		
40	1212326	Võ Nhật Sinh	Nam	13/07/1994	Bình Định	7.36	Khá		
41	1212350	Vũ Trọng Tâm	Nam	06/06/1994	Đồng Nai	7.40	Khá		
42	1212357	Phạm Thanh Tân	Nam	13/10/1994	Lâm Đồng	7.00	Khá		
43	1212371	Phạm Minh Thạch	Nam	14/03/1994	Bình Định	6.66	Trung bình khá		
44	1212373	Đoàn Đức Thanh	Nam	25/12/1994	Đồng Tháp	7.27	Khá		
45	1212377	Cao Tấn Thi (Nợ học phí)	Nam	06/01/1994	Bến Tre	6.86	Trung bình khá		
46	1212387	Nguyễn Trần Phước Thọ	Nam	01/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.12	Khá		
47	1212393	Nguyễn Hữu Thuận	Nam	04/02/1994	Quảng Nam	6.93	Trung bình khá		
48	1212396	Nguyễn Trần Vĩnh Thuyền	Nam	07/04/1994	Long An	8.36	Giỏi		
49	1212422	Trương Minh Toàn	Nam	20/02/1994	Ninh Thuận	7.51	Khá		
50	1212428	Huỳnh Quang Trang	Nam	11/11/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.47	Khá		
51	1212435	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Nữ	15/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.06	Giỏi		
52	1212443	Phạm Minh Trí	Nam	23/01/1993	Đồng Nai	7.38	Khá		
53	1212446	Trương Mai Minh Trí	Nam	15/01/1994	Ninh Thuận	7.09	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Kỹ thuật phần mềm (*D480103*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

4 / 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Không có chuyên ngành									
54	1212466	Phan Chí Trữ	Nam	31/03/1994	Kiên Giang	6.86	Trung bình khá		
55	1212483	Tạ Hoàng Anh Tuấn	Nam	27/02/1993	TP. Hồ Chí Minh	7.44	Khá		
56	1212495	Lê Thanh Tùng	Nam	01/02/1994	Quảng Nam	7.54	Khá		
57	1212499	Trần Trọng Thanh Tùng	Nam	30/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.72	Khá		
58	1212500	Đậu Mộng Phước Tường	Nam	18/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.95	Trung bình khá		
59	1212505	Nguyễn Long Uy	Nam	19/09/1994	Ninh Thuận	8.86	Giỏi		
60	1212508	Trần Văn Việt	Nam	06/01/1994	Đắk Lắk	7.06	Khá		
61	1212521	Phan Tuấn Vũ	Nam	06/10/1994	Quảng Bình	7.46	Khá		
62	1212523	Trần Hữu Vũ	Nam	07/05/1994	Bình Thuận	6.87	Trung bình khá		
63	1212526	Nguyễn Trương Vương	Nam	10/05/1993	Quảng Nam	7.09	Khá		
64	1212527	Trần Minh Vương (Nợ học phí)	Nam	02/09/1994	Quảng Ngãi	7.28	Khá		
65	1212537	Lê Vũ Đại Yên	Nam	15/06/1994	Bình Thuận	7.30	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Kỹ thuật phần mềm (*D480103*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

5 / 5

Tổng số sinh viên :	65
Số sinh viên đạt loại xuất sắc :	0
Số sinh viên đạt loại giỏi:	10
Số sinh viên đạt loại khá :	42
Số sinh viên đạt loại trung bình khá :	13
Số sinh viên đạt loại trung bình :	0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Hệ thống thông tin (*D480104*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Không có chuyên ngành									
1	1212006	Nguyễn Đức Anh	Nam	21/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.29	Khá		
2	1212019	Nguyễn Trần Duy Bảo	Nam	18/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.27	Khá		
3	1212048	Diệp Mỹ Dung	Nữ	12/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.21	Khá		
4	1212059	Nguyễn Phương Hoàng Dũng	Nam	06/11/1994	Lâm Đồng	7.10	Khá		
5	1212104	Đặng Văn Giáp	Nam	03/09/1994	Đồng Nai	6.80	Trung bình khá		
6	1212209	Nguyễn Đức Hoàng Long	Nam	29/12/1994	Quảng Ngãi	7.15	Khá		
7	1212215	Nguyễn Thành Lộc	Nam	20/03/1994	Đồng Tháp	7.65	Khá		
8	1212239	Phan Nhật Minh	Nam	20/05/1994	Đắk Lắk	6.88	Trung bình khá		
9	1212266	Huỳnh Nhật Nguyên	Nam	25/07/1994	Phú Yên	7.00	Khá		
10	1212273	Lê Nguyễn Nhạc	Nam	29/04/1994	Đồng Nai	6.50	Trung bình khá		
11	1212283	Phan Sông Núi	Nam	29/12/1994	Tiền Giang	7.02	Khá		
12	1212293	Nguyễn Ngọc Phúc	Nam	25/02/1994	Đồng Nai	6.53	Trung bình khá		
13	1212323	Nguyễn Văn Sáng	Nam	30/10/1994	Đồng Nai	6.59	Trung bình khá		
14	1212324	Võ Thị Kim Sen	Nữ	12/09/1993	Bến Tre	7.30	Khá		
15	1212394	Nguyễn Trọng Thuận	Nam	12/12/1994	Đồng Nai	6.89	Trung bình khá		
16	1212427	Hồ Thế Tông	Nam	02/09/1994	Phú Yên	7.60	Khá		
17	1212590	Lê Khánh Sơn	Nam	04/07/1994	An Giang	7.29	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Hệ thống thông tin (*D480104*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 2

Tổng số sinh viên :	17
Số sinh viên đạt loại xuất sắc :	0
Số sinh viên đạt loại giỏi:	0
Số sinh viên đạt loại khá :	11
Số sinh viên đạt loại trung bình khá :	6
Số sinh viên đạt loại trung bình :	0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ thông tin (*D480201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Không có chuyên ngành									
1	1212003	Hoàng Thân Tuấn Anh	Nam	10/06/1994	Lâm Đồng	6.88	Trung bình khá		
2	1212087	Phạm Phú Đoàn	Nam	14/07/1994	Bình Thuận	6.80	Trung bình khá		
3	1212120	Đinh Quang Hiếu	Nam	25/05/1994	Đồng Nai	6.33	Trung bình khá		
4	1212170	Dương Hữu Khánh	Nam	18/06/1994	Đồng Tháp	7.29	Khá		
5	1212294	Trần Công Phúc	Nam	22/07/1994	Kiên Giang	6.79	Trung bình khá		
6	1212297	Trương Hồng Phúc	Nam	16/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.64	Trung bình khá		
7	1212339	Trần Đức Tài	Nam	10/11/1994	Sóc Trăng	6.64	Trung bình khá		
8	1212381	Lâm Phước Thiện (Nợ học phí)	Nam	15/12/1994	Đồng Nai	6.79	Trung bình khá		
9	1212421	Nguyễn Viết Toàn	Nam	18/01/1994	Hà Tĩnh	6.64	Trung bình khá		
10	1212432	Phạm Sơn Trà	Nam	16/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.63	Trung bình khá		
11	1212487	Nguyễn Phạm Tuấn	Nam	30/12/1994	Đồng Nai	7.03	Khá		
12	1212496	Lê Văn Tùng (Nợ học phí)	Nam	05/10/1994	Đồng Nai	6.68	Trung bình khá		
Chuyên ngành : Mạng máy tính và Truyền thông									
13	1212082	Trần Quang Đăng	Nam	09/06/1994	Ninh Thuận	8.02	Giỏi		
14	1212112	Ô Tuấn Hải	Nam	26/09/1994	Mình Hải	7.51	Khá		
15	1212116	Hà Minh Hậu	Nam	10/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.48	Khá		
16	1212136	Trần Ngọc Hoàng	Nam	01/01/1994	Đồng Nai	7.48	Khá		
17	1212191	Đỗ Văn Kỳ	Nam	19/01/1994	Vĩnh Phú	7.47	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ thông tin (*D480201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Mạng máy tính và Truyền thông									
18	1212194	Mai Văn Lăn	Nam	20/10/1994	Bến Tre	7.43	Khá		
19	1212203	Trần Nhất Linh	Nam	05/08/1994	Bình Định	7.52	Khá		
20	1212208	Lê Hoàng Long	Nam	22/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.80	Trung bình khá		
21	1212221	Nguyễn Trọng Luân	Nam	23/12/1993	Bình Dương	6.60	Trung bình khá		
22	1212240	Trần Xuân Nhật Minh	Nam	19/05/1994	Đồng Nai	7.30	Khá		
23	1212386	La Vi Thọ	Nam	19/01/1994	Lâm Đồng	6.43	Trung bình khá		
24	1212400	Trương Hoài Thương	Nam	21/12/1993	Cà Mau	7.30	Khá		
25	1212401	Đào Tăng Thường	Nam	21/06/1994	Bến Tre	7.24	Khá		
26	1212457	Hoàng Thủy Trúc	Nữ	16/10/1994	Đắk Lắk	7.59	Khá		
27	1212506	Nguyễn Hoàng Việt	Nam	05/04/1994	Long An	7.84	Khá		
28	1212514	Trịnh Quang Vi	Nam	28/02/1994	Khánh Hòa	8.01	Giỏi		
29	1212517	Bùi Thanh Vũ	Nam	08/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.17	Giỏi		
30	1212563	Hà Văn Hào	Nam	30/12/1994	Bình Định	7.07	Khá		
Chuyên ngành : Cử nhân tài năng									
31	1212079	Đỗ Ngọc Hải Đăng	Nam	18/06/1994	Tiền Giang	7.81	Khá		
32	1212085	Lê Quang Định	Nam	24/07/1994	Sông Bé	8.29	Giỏi		
33	1212114	Đào Văn Hậu	Nam	28/08/1994	Sông Bé	8.12	Giỏi		
34	1212127	Trần Bá Hiễn	Nam	26/08/1994	Bình Định	8.42	Giỏi		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ thông tin (*D480201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

3 / 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Cử nhân tài năng									
35	1212157	Trần Minh Hùng	Nam	13/01/1994	QN Đà Nẵng	7.76	Khá		
36	1212162	Lê Nguyên Hưng	Nam	30/10/1994	Đắk Lắk	7.88	Khá		
37	1212163	Nguyễn Quốc Hưng	Nam	26/06/1994	Thừa Thiên Huế	8.07	Giỏi		
38	1212166	Nguyễn Ngọc Gia Hy	Nam	25/07/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.90	Khá		
39	1212171	Nguyễn Khánh	Nam	15/03/1994	Cần Thơ	7.85	Khá		
40	1212184	Phạm Trần Anh Khoa	Nam	10/03/1994	Quảng Ngãi	7.87	Khá		
41	1212185	Phó Ngọc Đăng Khoa	Nam	08/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.39	Giỏi		
42	1212213	Lê Trần Lộc	Nam	18/10/1994	Tiền Giang	8.51	Giỏi		
43	1212223	Nguyễn Đình Luận	Nam	21/08/1994	Khánh Hòa	9.27	Xuất sắc		
44	1212225	Nguyễn Minh Lưu	Nam	09/07/1994	Quảng Trị	7.63	Khá		
45	1212234	Lý Ngọc Minh	Nam	25/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.10	Giỏi		
46	1212264	Hoàng Văn Ngọc	Nam	17/10/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.96	Khá		
47	1212275	Hoàng Trọng Nhân (Nợ học phí)	Nam	25/02/1994	Thừa Thiên Huế	7.40	Khá		
48	1212304	Hà Vĩnh Quang	Nam	23/12/1994	Cần Thơ	7.76	Khá		
49	1212314	Phạm Bá Cường Quốc	Nam	21/06/1994	Quảng Ngãi	7.79	Khá		
50	1212335	Trương Thanh Sơn	Nam	15/08/1994	Mình Hải	8.41	Giỏi		
51	1212341	Vũ Đức Tài	Nam	13/07/1994	Đồng Nai	8.45	Giỏi		
52	1212342	Huỳnh Thanh Tâm	Nam	04/07/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.02	Giỏi		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ thông tin (*D480201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

4 / 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Cử nhân tài năng									
53	1212344	Lê Thành Tâm	Nam	16/04/1994	Đồng Nai	8.36	Giỏi		
54	1212346	Phạm Duy Tâm	Nam	17/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.54	Giỏi		
55	1212351	Đào Công Tân	Nam	27/08/1994	Tiền Giang	8.28	Giỏi		
56	1212365	Trần Ngọc Đạt Thành	Nam	23/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.70	Giỏi		
57	1212388	Bùi Huy Thông	Nam	19/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.35	Giỏi		
58	1212390	Nguyễn Duy Thông	Nam	16/06/1994	Khánh Hòa	8.37	Giỏi		
59	1212403	Trang Trọng Thức	Nam	14/07/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.07	Giỏi		
60	1212404	Trần Thy Thy	Nữ	25/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.47	Giỏi		
61	1212417	Tô Minh Tín	Nam	21/11/1994	Bình Định	7.57	Khá		
62	1212418	Đinh Công Toàn	Nam	29/11/1994	Bình Phước	7.28	Khá		
63	1212426	Đoàn Phúc Tôn	Nam	16/09/1994	Phú Yên	8.23	Giỏi		
64	1212441	Nguyễn Minh Trí	Nam	03/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.72	Giỏi		
65	1212445	Trần Đức Trí	Nam	17/09/1994	Khánh Hòa	7.72	Khá		
66	1212488	Hồ Minh Tú	Nam	17/03/1994	Cần Thơ	8.01	Giỏi		
67	1212494	Lê Thanh Tùng	Nam	29/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	9.04	Xuất sắc		
68	1212501	Nguyễn Văn Tường	Nam	06/08/1994	Bình Định	8.28	Giỏi		
69	1212509	Hồ Xuân Vinh	Nam	02/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.00	Giỏi		
70	1212539	Chiêm Duy Bảo	Nam	01/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	9.01	Xuất sắc		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ thông tin (*D480201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

5 / 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Cử nhân tài năng									
71	1212540	Nguyễn Thành Đạt	Nam	16/10/1994	Tiền Giang	8.36	Giỏi		

Tổng số sinh viên : 71
Số sinh viên đạt loại xuất sắc : 3
Số sinh viên đạt loại giỏi: 27
Số sinh viên đạt loại khá : 28
Số sinh viên đạt loại trung bình khá : 13
Số sinh viên đạt loại trung bình : 0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016
Hiệu Trưởng



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Hải dương, Khí tượng và Thủy văn (208) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Hải dương học									
1	1121129	Ngô Nguyễn Tiến Phát	Nam	22/11/1993	TP. Hồ Chí Minh	6.77	Trung bình khá		Kinh

Tổng số sinh viên : 1
Số sinh viên đạt loại xuất sắc : 0
Số sinh viên đạt loại giỏi: 0
Số sinh viên đạt loại khá : 0
Số sinh viên đạt loại trung bình khá : 1
Số sinh viên đạt loại trung bình : 0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Hải dương học (D440228) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 3

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Hải dương học									
1	1221014	Nguyễn Ngọc Dương	Nam	06/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.48	Khá		
2	1221018	Nguyễn Hồng Đăng	Nam	19/04/1994	Ninh Thuận	6.68	Trung bình khá		
3	1221024	Ngô Quang Bảo Hoàng	Nữ	17/10/1994	Thừa Thiên Huế	7.98	Khá		
4	1221026	Cao Băng Hồ	Nam	13/12/1993	Kiên Giang	6.73	Trung bình khá		
5	1221040	Nguyễn Khắc Thành Long	Nam	11/07/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.23	Khá		
6	1221055	Ô Sa Ka	Nam	12/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.02	Khá		
7	1221062	Nguyễn Minh Quang	Nam	20/06/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.15	Khá		
8	1221063	Phạm Minh Quân	Nam	15/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.70	Trung bình khá		
9	1221071	Trần Quốc Thái	Nam	20/07/1994	Tiền Giang	7.29	Khá		
10	1221082	Nguyễn Chí Thương	Nam	18/02/1994	Cần Thơ	7.37	Khá		
11	1221088	Nguyễn Thu Trâm	Nữ	07/12/1994	Tây Ninh	7.31	Khá		
12	1221093	Phan Thị Hà Tuyên	Nữ	04/11/1994	Phú Yên	7.58	Khá		
13	1221094	Vô Thanh Tùng	Nam	08/01/1994	Long An	7.10	Khá		
14	1221672	Huỳnh Minh Tiến	Nam	07/02/1993	Bình Thuận	6.81	Trung bình khá		
15	1221674	Phạm Vũ Phương Trang	Nữ	08/10/1994	Tây Ninh	7.61	Khá		
Chuyên ngành : Khí tượng học									
16	1221010	Nguyễn Thị Hoàng Dung	Nữ	10/11/1993	Nghệ An	7.50	Khá		
17	1221011	Nguyễn Thị Phương Dung	Nữ	13/11/1994	Đắk Lắk	7.21	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Hải dương học (D440228) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 3

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Khí tượng học									
18	1221034	Nguyễn Bảo Lâm	Nam	26/03/1994	Đồng Nai	6.90	Trung bình khá		
19	1221043	Phan Thị Mai	Nữ	25/09/1994	Hà Tĩnh	6.52	Trung bình khá		
20	1221046	Phạm Thị Mỹ	Nữ	10/03/1994	Thanh Hóa	7.29	Khá		
21	1221057	Nguyễn Ngọc Phụng	Nữ	18/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.18	Giỏi		
22	1221058	Hoàng Đông Phương	Nữ	28/03/1994	Lâm Đồng	6.85	Trung bình khá		
23	1221086	Hồ Công Toàn	Nam	28/05/1994	Gia Lai	7.52	Khá		
24	1221399	Đoàn Thị Cẩm Nhung	Nữ	18/07/1994	Tây Ninh	7.85	Khá		
25	1221639	Lê Thị Thanh Hằng	Nữ	22/08/1994	Tây Ninh	6.47	Trung bình khá		
26	1221648	Nguyễn Thị Nga	Nữ	05/03/1994	Quảng Ngãi	7.80	Khá		
27	1221650	Vũ Thị Ngân	Nữ	07/07/1993	Ninh Bình	7.11	Khá		
28	1221652	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	07/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.83	Trung bình khá		
29	1221668	Vũ Thị Thuý	Nữ	17/03/1994	Nghệ An	7.12	Khá		
30	1221679	Đặng Thị Hải Yến	Nữ	01/11/1994	Hà Tây	7.35	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Hải dương học (*D440228*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

3 / 3

Tổng số sinh viên :	30
Số sinh viên đạt loại xuất sắc :	0
Số sinh viên đạt loại giỏi:	1
Số sinh viên đạt loại khá :	20
Số sinh viên đạt loại trung bình khá :	9
Số sinh viên đạt loại trung bình :	0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Hóa học (201) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Hóa hữu cơ									
1	1014004	Nguyễn Thị Hà Anh	Nữ	08/10/92	TP. Hồ Chí Minh	6.63	Trung bình khá		Kinh
2	1014007	Trần Quế Anh	Nữ	25/06/92	Tiền Giang	6.57	Trung bình khá		Hoa
3	1014216	Trần Ngọc Anh Thư	Nữ	31/01/92	TP. Hồ Chí Minh	6.77	Trung bình khá		Kinh
4	1114144	Huỳnh Thị Thanh Nguyên	Nữ	19/03/1993	Long An	6.94	Trung bình khá		Kinh
Chuyên ngành : Hóa lý									
5	1014170	Đặng Hoàng Thái Sơn	Nam	12/11/92	Bình Thuận	6.27	Trung bình khá		Kinh
6	1114210	Nguyễn Thiện Kim Tiến	Nữ	02/05/1993	Đồng Tháp	6.35	Trung bình khá		Kinh
7	1114278	Quách Mộng Bảo Vy	Nữ	17/01/1993	Sông Bé	6.30	Trung bình khá		Hoa
Chuyên ngành : Hóa Polyme									
8	1014009	Nguyễn Hoàng Tường An	Nam	26/01/92	Khánh Hòa	6.16	Trung bình khá		Kinh
9	1014088	Đoàn Lộc Khoa	Nam	20/10/92	Đồng Nai	6.21	Trung bình khá		Kinh
10	1114127	Nguyễn Nhật Minh (Nợ học phí)	Nam	03/12/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.39	Trung bình khá		Kinh
11	1114163	Lê Thủy Phượng (Nợ học phí)	Nữ	21/11/1993	TP. Hồ Chí Minh	6.90	Trung bình khá		Kinh
12	1114212	Trần Hữu Tiến	Nam	23/05/1991	An Giang	6.67	Trung bình khá		Kinh
Chuyên ngành : Hóa vô cơ và ứng dụng									
13	1114047	Trần Thiên Đan	Nam	20/06/1993	Cà Mau	7.04	Khá		Kinh
14	1114233	Trịnh Lệ Trinh	Nữ	23/03/1993	Sóc Trăng	6.57	Trung bình khá		Hoa
15	1114247	Trần Anh Tuấn	Nam	15/03/1993	Mình Hải	6.50	Trung bình khá		Kinh



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Hóa học (201) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 2

Tổng số sinh viên :	15
Số sinh viên đạt loại xuất sắc :	0
Số sinh viên đạt loại giỏi:	0
Số sinh viên đạt loại khá :	1
Số sinh viên đạt loại trung bình khá :	14
Số sinh viên đạt loại trung bình :	0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Hoá học (D440112) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Hóa hữu cơ									
1	1214023	Trần Nguyên Bách	Nam	27/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.39	Khá		
2	1214038	Nguyễn Lan Chi	Nữ	05/10/1994	Tiền Giang	6.83	Trung bình khá		
3	1214053	Lê Quốc Dĩnh	Nam	28/07/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.48	Khá		
4	1214063	Lê Mỹ Duyên	Nữ	19/11/1994	Quảng Ngãi	7.41	Khá		
5	1214076	Dương Quý Đăng	Nam	08/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.20	Khá		
6	1214103	Trần Thị Mộng Hằng	Nữ	25/04/1994	Gia Lai	7.41	Khá		
7	1214124	Trương Mỹ Hoàng	Nữ	17/11/1994	An Giang	6.87	Trung bình khá		
8	1214133	Ngô Thị Xuân Huyền	Nữ	26/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.53	Khá		
9	1214166	Trần Chí Linh	Nam	02/06/1994	Trà Vinh	7.18	Khá		
10	1214167	Trần Ngọc Linh	Nữ	29/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.90	Khá		
11	1214169	Võ Thị Kiều Loan	Nữ	29/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.51	Giỏi		
12	1214180	Đặng Thị Tuyết Mai	Nữ	11/01/1994	Đồng Nai	7.44	Khá		
13	1214185	Phan Phương Minh	Nữ	11/11/1994	Vĩnh Long	7.17	Khá		
14	1214187	Nguyễn Thành Mỹ	Nam	24/08/1994	Đồng Tháp	6.56	Trung bình khá		
15	1214192	Phạm Hoàng Nam	Nam	17/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.89	Trung bình khá		
16	1214233	Chung Yến Oanh	Nữ	06/11/1994	Quảng Ngãi	7.77	Khá		
17	1214299	Trần Thị Thu Thảo	Nữ	28/04/1994	Đắk Lắk	7.26	Khá		
18	1214328	Trần Thị Đoàn Thùy	Nữ	15/11/1993	TP. Hồ Chí Minh	7.07	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Hoá học (*D440112*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Hóa hữu cơ									
19	1214338	Nguyễn Thị Phú Huỳnh Tiên	Nữ	18/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.36	Khá		
20	1214372	Đỗ Thị Phương Trúc	Nữ	23/10/1993	Tiền Giang	7.19	Khá		
21	1214376	Nguyễn Thế Anh Tuấn	Nam	04/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.79	Trung bình khá		
22	1214391	Nguyễn Thanh Vào	Nam	01/04/1994	Tây Ninh	7.28	Khá		
23	1214398	Trương Quốc Vinh	Nam	28/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.06	Khá		
24	1214401	Nguyễn Châu Hoài Thiên Vũ	Nam	23/05/1994	Khánh Hòa	6.91	Trung bình khá		
25	1214416	Đinh Minh Văn	Nam	14/01/1994	Đồng Nai	8.62	Giỏi		
Chuyên ngành : Hóa dược									
26	1214005	Mai Quế Anh	Nữ	10/05/1994	Tiền Giang	7.11	Khá		
27	1214010	Nguyễn Thị Việt Anh	Nữ	06/01/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.54	Khá		
28	1214016	Phạm Thị Tú Anh	Nữ	03/03/1994	Sông Bé	7.47	Khá		
29	1214052	Nguyễn Thị Xuân Diệu	Nữ	06/06/1993	Bình Thuận	6.91	Trung bình khá		
30	1214079	Nguyễn Vương Khánh Đăng	Nam	02/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.00	Khá		
31	1214086	Nguyễn Minh Đức	Nam	17/01/1994	Khánh Hòa	7.02	Khá		
32	1214090	Đặng Văn Hà	Nam	20/09/1994	Đồng Nai	8.19	Giỏi		
33	1214098	Nguyễn Thị Hào	Nữ	20/12/1993	Nghệ An	7.03	Khá		
34	1214122	Phạm Huy Hoàng	Nam	18/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.10	Giỏi		
35	1214132	Đỗ Thị Huyền	Nữ	19/10/1994	Quảng Ngãi	8.04	Giỏi		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Hoá học (*D440112*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

3 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Hóa dược									
36	1214186	Nguyễn Văn My	Nam	10/05/1994	Khánh Hòa	7.80	Khá		
37	1214271	Trần Hoàng Song	Nam	02/01/1994	Cần Thơ	6.80	Trung bình khá		
38	1214277	Đoàn Ngọc Minh Tâm	Nữ	30/08/1994	Khánh Hòa	7.71	Khá		
39	1214290	Nguyễn Diệp Thảo	Nữ	02/11/1994	Tiền Giang	7.33	Khá		
40	1214368	Lê Trọng	Nam	05/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.58	Khá		
41	1214379	Nguyễn Thị Ngân Tuyền	Nữ	23/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.61	Khá		
Chuyên ngành : Hóa lý									
42	1214048	Đoàn Thị Thúy Diễm	Nữ	19/02/1994	Phú Yên	7.18	Khá		
43	1214067	Diệp Thị Duyên	Nữ	20/11/1994	Bến Tre	7.62	Khá		
44	1214194	Nguyễn Thị Nga	Nữ	02/06/1994	Thanh Hóa	7.11	Khá		
45	1214201	Lê Thị Khánh Nghĩa	Nữ	21/11/1994	Phú Yên	7.58	Khá		
46	1214213	Hồ Thị Thanh Nguyên	Nữ	20/12/1994	Bình Thuận	8.07	Giỏi		
47	1214223	Nguyễn Chí Nhã	Nam	18/11/1994	Quảng Ngãi	6.82	Trung bình khá		
48	1214227	Hồ Thị Bích Nhi	Nữ	26/06/1994	Bến Tre	7.69	Khá		
49	1214231	Võ Phan Phương Như	Nữ	06/11/1994	Bình Định	7.06	Khá		
50	1214235	Phạm Đình Tấn Phát	Nam	15/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.36	Khá		
51	1214239	Võ Hồng Phong	Nam	05/06/1993	TP. Hồ Chí Minh	7.35	Khá		
52	1214248	Phan Thị Minh Phương	Nữ	14/09/1994	Sông Bé	6.82	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Hoá học (*D440112*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

4 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Hóa lý									
53	1214278	Đoàn Thành Tâm	Nam	02/11/1992	Đắk Lắk	6.60	Trung bình khá		
54	1214279	Phạm Thị Thanh Tâm	Nữ	18/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.10	Khá		
55	1214296	Phạm Thị Thu Thảo (Nợ học phí)	Nữ	20/02/1994	Tây Ninh	6.83	Trung bình khá		
56	1214308	Trần Quan Thiện	Nam	09/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.75	Trung bình khá		
57	1214324	Đoàn Thị Như Thúy	Nữ	14/05/1994	Quảng Ngãi	7.55	Khá		
58	1214340	Nguyễn Thị Thuý Tiên	Nữ	09/05/1994	Tiền Giang	7.61	Khá		
59	1214357	Trần Thị Trang	Nữ	12/11/1994	Phú Yên	7.63	Khá		
60	1214360	Phạm Thị Bích Trâm	Nữ	01/08/1994	Bình Định	7.14	Khá		
61	1214381	Trần Hoàng Tú	Nam	28/08/1994	Khánh Hòa	8.03	Giỏi		
62	1214403	Huỳnh Băng Vy	Nam	06/04/1994	Long An	7.01	Khá		
63	1214408	Trần Ngọc Xuyên	Nữ	06/02/1994	Đồng Nai	7.89	Khá		
Chuyên ngành : Hóa Polyme									
64	1214009	Nguyễn Thị Huỳnh Anh	Nữ	12/09/1994	Tiền Giang	6.84	Trung bình khá		
65	1214041	Phạm Nguyên Phương Chi	Nữ	25/01/1994	Phú Yên	7.56	Khá		
66	1214101	Ngô Thị Thuý Hằng	Nữ	20/08/1994	Bình Thuận	6.93	Trung bình khá		
67	1214117	Nguyễn Thị Thục Hiền	Nữ	06/06/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.93	Trung bình khá		
68	1214128	Trần Trung Hòa	Nam	14/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.08	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Hoá học (*D440112*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

5 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Hóa Polyme									
69	1214242	Ngô Sĩ Phú	Nam	11/04/1994	Khánh Hòa	7.57	Khá		
70	1214272	Đặng Bảo Sơn	Nam	16/11/1993	Bến Tre	6.93	Trung bình khá		
71	1214327	Trần Thị Thanh Thúy	Nữ	30/07/1994	Bình Thuận	6.46	Trung bình khá		
72	1214373	Ngô Quốc Trường	Nam	03/01/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.14	Khá		
73	1214380	Lâm Văn Tú	Nam	20/11/1994	Bình Thuận	7.67	Khá		
Chuyên ngành : Hóa phân tích									
74	1214007	Nguyễn Lê Hoàng Anh	Nữ	31/01/1994	Tiền Giang	7.78	Khá		
75	1214021	Phạm Thị Ngọc Ánh	Nữ	27/02/1994	Hà Tĩnh	7.52	Khá		
76	1214027	Nguyễn Duy Bình	Nữ	26/04/1994	Đồng Tháp	6.98	Trung bình khá		
77	1214028	Võ Thái Bình	Nam	16/03/1994	Bến Tre	7.10	Khá		
78	1214032	Lê Nguyễn Ái Long Châu	Nữ	20/04/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.28	Khá		
79	1214039	Nguyễn Thị Mỹ Chi	Nữ	15/06/1994	Bình Định	7.93	Khá		
80	1214085	Huỳnh Vinh Đức	Nam	03/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.51	Khá		
81	1214088	Trần Thị Tiểu Giang	Nữ	22/08/1994	Bình Phước	7.16	Khá		
82	1214092	Lê Nữ Việt Hà	Nữ	18/09/1994	Bình Định	7.91	Khá		
83	1214102	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	09/02/1994	Tiền Giang	7.58	Khá		
84	1214109	Nguyễn Công Hậu	Nam	21/01/1994	Long An	8.28	Giỏi		
85	1214126	Nguyễn Thanh Thế Hoàn	Nam	18/07/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.88	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Hoá học (D440112) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

6 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Hóa phân tích									
86	1214134	Tạ Thị Lệ Huyền	Nữ	30/01/1994	Phú Yên	7.66	Khá		
87	1214136	Vũ Đức Huy	Nam	18/12/1994	Hải Dương	7.43	Khá		
88	1214165	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nữ	25/12/1993	Sông Bé	7.14	Khá		
89	1214211	Trương Thị Bích Ngọc	Nữ	19/04/1994	Ninh Bình	7.12	Khá		
90	1214214	Nguyễn Hoàng Nguyên	Nữ	16/12/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	8.00	Giỏi		
91	1214234	Hoàng Thụy Kiều Oanh	Nữ	21/05/1994	Lâm Đồng	7.29	Khá		
92	1214245	Nguyễn Thanh Phương	Nữ	04/10/1994	Ninh Thuận	6.92	Trung bình khá		
93	1214246	Nguyễn Thị Ánh Phương	Nữ	24/03/1994	Khánh Hòa	8.34	Giỏi		
94	1214251	Vương Quốc Phương	Nam	12/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.21	Giỏi		
95	1214252	Nguyễn Thị Kim Phượng	Nữ	10/08/1994	Tiền Giang	7.95	Khá		
96	1214254	Nguyễn Hữu Quang	Nam	08/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.19	Giỏi		
97	1214307	Trần Lâm Thanh Thiện	Nam	30/07/1994	Tiền Giang	8.34	Giỏi		
98	1214312	Nguyễn Phúc Thịnh	Nữ	01/11/1994	Bình Định	7.63	Khá		
99	1214344	Trần Thị Thùy Tiên	Nữ	10/01/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.45	Khá		
100	1214397	Nguyễn Hữu Vinh	Nam	01/01/1994	Tây Ninh	8.07	Giỏi		
Chuyên ngành : Hóa vô cơ và ứng dụng									
101	1214001	Bùi Minh Thanh An	Nữ	22/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.63	Khá		
102	1214020	Phạm Nguyệt Ánh	Nữ	01/11/1994	Tiền Giang	7.03	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Hoá học (D440112) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

7 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Hóa vô cơ và ứng dụng									
103	1214025	Trương Ngọc Bích	Nữ	31/01/1993	Cà Mau	7.37	Khá		
104	1214031	Nguyễn Cao Chánh	Nam	17/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.48	Trung bình khá		
105	1214119	Đặng Thị Hoa	Nữ	07/07/1994	Hải Hưng	7.07	Khá		
106	1214130	Nguyễn Công Hội	Nam	22/01/1994	Phú Yên	7.40	Khá		
107	1214188	Nguyễn Thị Ngọc My	Nữ	15/09/1994	Tiền Giang	6.58	Trung bình khá		
108	1214197	Dương Thị Mỹ Ngân	Nữ	18/05/1994	Bình Phước	7.24	Khá		
109	1214230	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Nữ	20/11/1994	Tiền Giang	6.65	Trung bình khá		
110	1214236	Quách Vạn Phát	Nam	29/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.18	Khá		
111	1214260	Nguyễn Tổ Quyên	Nữ	10/02/1994	Lâm Đồng	6.82	Trung bình khá		
112	1214287	Đinh Thị Thảo	Nữ	27/06/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.17	Khá		
113	1214329	Huỳnh Thị Lưu Thủy	Nữ	18/09/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.05	Khá		
114	1214330	Nguyễn Võ Ngọc Thủy	Nữ	17/10/1994	Tiền Giang	7.02	Khá		
115	1214342	Trần Thị Cẩm Tiên	Nữ	12/10/1993	TP. Hồ Chí Minh	7.92	Khá		
Chuyên ngành : Hóa hữu cơ									
116	1214365	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	Nữ	11/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.74	Khá		
Chuyên ngành : Hóa Polyme									
117	1214073	Võ Thùy Dương	Nữ	01/12/1994	Long An	7.29	Khá		
118	1214148	Nguyễn Anh Khoa	Nam	16/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.00	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Hoá học (*D440112*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

8 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Hóa vô cơ và ứng dụng									
119	1214022	Nguyễn Hoàng Ân	Nam	16/12/1993	Bến Tre	7.02	Khá		
120	1214043	Quan Gia Cơ	Nam	28/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.18	Khá		

Tổng số sinh viên : 120
Số sinh viên đạt loại xuất sắc : 0
Số sinh viên đạt loại giỏi: 14
Số sinh viên đạt loại khá : 82
Số sinh viên đạt loại trung bình khá : 24
Số sinh viên đạt loại trung bình : 0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Địa chất (203) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Ngọc học									
15	1116231	Đào Công Quân	Nam	16/10/1993	Bình Định	6.29	Trung bình khá		Kinh

Tổng số sinh viên : 15
Số sinh viên đạt loại xuất sắc : 0
Số sinh viên đạt loại giỏi : 0
Số sinh viên đạt loại khá : 1
Số sinh viên đạt loại trung bình khá : 14
Số sinh viên đạt loại trung bình : 0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016
Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Địa chất học (*D440201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Địa chất Thủy văn - Địa chất Công trình									
1	1216008	Đặng Văn Bảo	Nam	02/04/1994	Bình Định	7.49	Khá		
2	1216017	Trần Ngọc Châu	Nam	06/06/1994	Lâm Đồng	7.03	Khá		
3	1216044	Huỳnh Tấn Đạt	Nam	21/05/1994	Long An	7.49	Khá		
4	1216045	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	05/02/1994	Bình Định	7.54	Khá		
5	1216064	Phan Thị Mỹ Hạnh	Nữ	28/07/1994	Quảng Nam - Đà Nẵng	7.98	Khá		
6	1216079	Đặng Sỹ Hoàng	Nam	13/10/1993	Phú Yên	7.42	Khá		
7	1216084	Phan Thanh Hoà	Nam	18/07/1994	Lâm Đồng	7.24	Khá		
8	1216100	Phạm Hai Hùng	Nam	25/09/1993	Ninh Bình	7.81	Khá		
9	1216103	Nguyễn Tấn Hưng	Nam	06/08/1994	Bình Định	7.23	Khá		
10	1216147	Phạm Thành Luyện	Nam	18/07/1994	Lâm Đồng	7.20	Khá		
11	1216163	Trần Ngọc Ngà	Nam	09/03/1994	Bình Định	7.41	Khá		
12	1216167	Nguyễn Đình Nghĩa	Nam	15/09/1994	Bình Định	7.26	Khá		
13	1216178	Huỳnh Thanh Nhân	Nam	15/01/1994	Bến Tre	7.64	Khá		
14	1216200	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	05/03/1994	Vĩnh Long	7.18	Khá		
15	1216224	Trương Thanh Sang	Nam	14/02/1994	Lâm Đồng	7.20	Khá		
16	1216235	Phùng Trọng Tài	Nam	06/01/1994	Gia Lai	7.30	Khá		
17	1216243	Phạm Văn Tấn	Nam	29/03/1994	Tiền Giang	7.35	Khá		
18	1216249	Nguyễn Nguyên Thảo	Nam	26/09/1994	Bến Tre	7.38	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Địa chất học (*D440201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Địa chất Thủy văn - Địa chất Công trình									
19	1216258	Nguyễn Hữu Thi	Nam	26/11/1994	Khánh Hòa	6.99	Trung bình khá		
20	1216277	Nguyễn Tấn Tiên	Nam	06/11/1994	Bình Định	6.98	Trung bình khá		
21	1216278	Bùi Minh Tiến	Nam	07/09/1994	Vĩnh Long	7.18	Khá		
22	1216283	Lê Đình Tiệp	Nam	24/01/1994	Đắk Lắk	7.09	Khá		
23	1216287	Trần Xuân Toàn	Nam	25/12/1994	Nam Hà	6.94	Trung bình khá		
24	1216317	Bùi Trần Thanh Tùng	Nam	12/08/1994	Kiên Giang	6.98	Trung bình khá		
25	1216327	Phạm Quốc Việt	Nam	05/02/1994	Đắk Lắk	7.66	Khá		
26	1216352	Lâm Hoàng Khang	Nam	15/06/1994	Bạc Liêu	7.97	Khá		
27	1216355	Danh Tấn	Nam	01/09/1993	Kiên Giang	7.26	Khá		
Chuyên ngành : Địa chất Dầu khí									
28	1216059	Nguyễn Lữ Vân Hà	Nữ	13/05/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.41	Khá		
29	1216070	Huỳnh Trung Hiếu	Nam	28/05/1994	An Giang	7.55	Khá		
30	1216086	Diệp Bình Huy	Nam	08/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.27	Khá		
31	1216088	Đỗ Nguyễn Ngọc Huy	Nam	01/06/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.42	Khá		
32	1216094	Trần Quốc Anh Huy	Nam	30/05/1994	Bến Tre	7.64	Khá		
33	1216122	Nguyễn Thị Kim	Nữ	11/11/1993	Thừa Thiên Huế	7.79	Khá		
34	1216124	Nguyễn Tiến Hoàng Lâm	Nam	18/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.43	Khá		
35	1216129	Nguyễn Đắc Linh	Nam	07/10/1994	Nghệ An	7.28	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Địa chất học (D440201) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

3 / 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Địa chất Dầu khí									
36	1216133	Đặng Văn Long	Nam	01/05/1994	Quảng Ngãi	7.51	Khá		
37	1216145	Võ Thành Luân	Nam	01/01/1993	Bình Định	7.52	Khá		
38	1216149	Trần Thị Lựu	Nữ	13/09/1994	Bình Thuận	7.89	Khá		
39	1216165	Trương Thị Thúy Ngân	Nữ	02/04/1994	Kiên Giang	7.17	Khá		
40	1216186	Phạm Hồng Nhung	Nữ	22/03/1994	TP. Hải Phòng	7.60	Khá		
41	1216232	Lê Văn Sự	Nam	20/01/1994	Bình Định	7.55	Khá		
42	1216233	Nguyễn Minh Tài	Nam	12/06/1994	Đồng Tháp	7.45	Khá		
43	1216246	Dương Văn Thái	Nam	08/09/1994	Quảng Bình	7.89	Khá		
44	1216250	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	09/07/1994	Hà Tĩnh	7.35	Khá		
45	1216259	Đàm Duy Thịnh	Nam	25/05/1994	Kiên Giang	7.21	Khá		
46	1216264	Võ Ngọc Hoàng Thông	Nam	05/10/1994	Lâm Đồng	7.29	Khá		
47	1216267	Nguyễn Minh Thuận	Nam	03/06/1994	Đồng Nai	7.79	Khá		
48	1216290	Bùi Ngọc Thanh Trang (Nợ học phí)	Nữ	29/03/1994	Tây Ninh	7.52	Khá		
49	1216310	Lê Minh Tuấn	Nam	19/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.38	Khá		
50	1216312	Trần Anh Tuấn	Nam	21/02/1994	Bình Thuận	7.75	Khá		
51	1216318	Lương Thanh Tùng	Nam	01/01/1994	Bình Định	7.43	Khá		
52	1216341	Nguyễn Như Ý	Nam	28/07/1993	Hưng Yên	7.77	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Địa chất học (D440201) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

4 / 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Địa chất Dầu khí									
53	1216344	Nguyễn Thị Trường Giang	Nữ	01/07/1994	Quảng Nam	8.11	Giỏi		
54	1216348	Trần Xuân Hòa	Nam	08/04/1994	Đồng Nai	8.34	Giỏi		
55	1216351	Nguyễn Thị Hương	Nữ	13/11/1994	Quảng Trị	8.41	Giỏi		
56	1216353	Trần Minh Khải	Nam	24/12/1994	Vĩnh Long	7.59	Khá		
Chuyên ngành : Địa chất Khoáng sản									
57	1216005	Võ Thế Anh	Nam	25/05/1993	Đắk Lắk	6.75	Trung bình khá		
58	1216038	Đặng Thế Dũng	Nam	30/09/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.04	Khá		
59	1216051	Phan Văn Đông	Nam	15/11/1994	Liên bang Nga	6.92	Trung bình khá		
60	1216065	Phạm Văn Hạ	Nam	02/01/1994	Đắk Lắk	6.97	Trung bình khá		
61	1216085	Cao Lê Phát Huy	Nam	26/08/1993	Đồng Tháp	7.07	Khá		
62	1216097	Nguyễn Khắc Khánh Hùng	Nam	24/12/1994	Kon Tum	6.59	Trung bình khá		
63	1216099	Nguyễn Thanh Hùng	Nam	30/03/1994	Hải Dương	7.08	Khá		
64	1216105	Trần Ngọc Hưng	Nam	01/05/1994	Bình Dương	7.16	Khá		
65	1216126	Phạm Văn Lên	Nam	29/10/1994	Tiền Giang	7.14	Khá		
66	1216135	Đỗ Đồng Lộc	Nam	08/06/1994	Thanh Hóa	7.20	Khá		
67	1216185	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	Nữ	30/04/1994	Bình Thuận	7.33	Khá		
68	1216188	Lê Huỳnh Như	Nữ	26/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.28	Khá		
69	1216206	Phạm Lê Chí Phương	Nam	20/12/1994	Tây Ninh	6.71	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Địa chất học (D440201) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

5 / 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Địa chất Khoáng sản									
70	1216245	Nguyễn Xuân Thanh	Nam	10/03/1994	Bình Thuận	6.94	Trung bình khá		
71	1216263	La Văn Thông	Nam	10/06/1994	Bình Định	6.85	Trung bình khá		
72	1216272	Huỳnh Thị Hoài Thu	Nữ	12/07/1994	Kiên Giang	7.28	Khá		
73	1216306	Đỗ Thanh Tuấn	Nam	25/10/1994	Bình Định	7.56	Khá		
74	1216320	Nguyễn Sơn Tùng	Nam	06/09/1994	TP. Hải Phòng	7.18	Khá		
Chuyên ngành : Địa chất Môi trường									
75	1216001	Danh Đăng Bảo Anh	Nam	25/01/1994	Kiên Giang	8.02	Giỏi		
76	1216022	Võ Minh Chí	Nam	20/07/1993	Vĩnh Long	7.13	Khá		
77	1216046	Phan Thanh Đạt	Nam	15/04/1994	Quảng Ngãi	7.13	Khá		
78	1216066	Đỗ Văn Hậu	Nam	17/04/1994	Bình Định	6.74	Trung bình khá		
79	1216074	Trương Trần Hoài Hiếu	Nam	19/12/1994	Bến Tre	7.19	Khá		
80	1216119	Thái Viết Kiên	Nam	14/10/1993	Nghệ An	6.72	Trung bình khá		
81	1216134	Nguyễn Cao Việt Long	Nam	17/09/1993	Thái Bình	6.73	Trung bình khá		
82	1216139	Phan Thanh Lộc	Nam	02/01/1994	Đồng Nai	6.55	Trung bình khá		
83	1216151	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	14/09/1994	Đắk Lắk	7.24	Khá		
84	1216161	Nguyễn Thành Nam	Nam	16/12/1994	Sông Bé	6.77	Trung bình khá		
85	1216195	Nguyễn Duy Phong	Nam	21/12/1994	Hà Tĩnh	7.01	Khá		
86	1216199	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	20/07/1994	Kiên Giang	6.79	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Địa chất học (D440201) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

6 / 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Địa chất Môi trường									
87	1216202	Phạm Đình Phúc	Nam	23/09/1994	Hưng Yên	7.18	Khá		
88	1216216	Huỳnh Bửu Quý	Nam	25/06/1994	Bình Định	7.36	Khá		
89	1216220	Hoàng Phương Tố Quyên	Nữ	27/03/1993	Đồng Nai	7.39	Khá		
90	1216228	Lê Quốc Sĩ	Nam	03/03/1993	Phú Yên	6.78	Trung bình khá		
91	1216253	Mai Hoàng Thạch	Nam	27/04/1994	Bình Định	6.59	Trung bình khá		
92	1216269	Lê Thị Thúy	Nữ	21/06/1994	Sông Bé	7.01	Khá		
93	1216307	Hà Lê Hoàng Tuấn	Nam	24/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.04	Khá		
94	1216314	Hoàng Thị Tuyết	Nữ	05/04/1994	Vĩnh Phúc	7.71	Khá		
95	1216347	Trần Thị Thúy Hiếu	Nữ	13/07/1994	Quảng Trị	7.40	Khá		
96	1216357	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	23/04/1994	Quảng Trị	6.98	Trung bình khá		
Chuyên ngành : Ngọc học									
97	1216035	Trần Anh Duy	Nam	03/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.94	Trung bình khá		
98	1216036	Trần Phương Duy	Nam	05/09/1994	Đồng Tháp	7.64	Khá		
99	1216114	Lê Khoa	Nam	02/02/1994	Bình Định	6.80	Trung bình khá		
100	1216144	Trần Hữu Luân	Nam	31/03/1994	Kiên Giang	6.94	Trung bình khá		
101	1216164	Đào Thị Kim Ngân	Nữ	21/09/1994	Bình Thuận	7.56	Khá		
102	1216166	Lê Trọng Nghĩa	Nam	26/07/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.22	Khá		
103	1216181	Võ Thành Nhân	Nam	20/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.79	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Địa chất học (*D440201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

7 / 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Ngọc học									
104	1216191	Lâm Vĩnh Phát	Nam	26/10/1994	Đồng Nai	7.28	Khá		
105	1216274	Phạm Thị Thư	Nữ	06/04/1993	Gia Lai	7.17	Khá		
106	1216323	Huỳnh Tấn Việt	Nam	16/08/1994	Bình Định	6.62	Trung bình khá		
107	1216330	Trần Duy Vinh	Nam	24/08/1994	Bình Thuận	6.84	Trung bình khá		

Tổng số sinh viên : 107
Số sinh viên đạt loại xuất sắc : 0
Số sinh viên đạt loại giỏi: 4
Số sinh viên đạt loại khá : 77
Số sinh viên đạt loại trung bình khá : 26
Số sinh viên đạt loại trung bình : 0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa học Môi Trường (205) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Khoa học Môi trường									
1	1117384	Đoàn Thị Mai Uyên	Nữ	07/08/1993	Phú Yên	6.63	Trung bình khá		Kinh
Chuyên ngành : Tin học Môi trường									
2	0917265	Nguyễn Hùng Quân	Nam	10/03/91	Đồng Nai	6.18	Trung bình khá		Kinh
3	1117128	Trần Viết Hùng	Nam	01/01/1993	Quảng Nam	6.63	Trung bình khá		Kinh
4	1117371	Đoàn Quốc Tuấn	Nam	02/03/1992	Đắk Lắk	6.67	Trung bình khá		Kinh
Chuyên ngành : Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường									
5	0917347	Lê Thị Quỳnh Trang	Nữ	06/08/89	Vĩnh Phú	6.36	Trung bình khá		Kinh
Chuyên ngành : Viễn thám và GIS ứng dụng									
6	1117259	Trần Duy Quang	Nam	27/04/1993	Tây Ninh	6.24	Trung bình khá		Kinh

Tổng số sinh viên : 6
Số sinh viên đạt loại xuất sắc : 0
Số sinh viên đạt loại giỏi : 0
Số sinh viên đạt loại khá : 0
Số sinh viên đạt loại trung bình khá : 6
Số sinh viên đạt loại trung bình : 0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa học môi trường (*D440301*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 6

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Khoa học Môi trường									
1	1217041	Dương Ngọc Dung	Nữ	25/11/1994	Tiền Giang	7.59	Khá		
2	1217052	Nguyễn Hoài Phương Duy	Nam	01/07/1993	Bến Tre	7.89	Khá		
3	1217064	Lê Thị Hải	Nữ	15/09/1994	Đồng Nai	8.12	Giỏi		
4	1217069	Phạm Thị Tâm Hảo	Nữ	17/09/1994	Bình Dương	7.82	Khá		
5	1217091	Lưu Thị Cẩm Hồng	Nữ	21/08/1994	Long An	7.74	Khá		
6	1217092	Nguyễn Thị Thanh Hồng	Nữ	14/12/1994	Đồng Nai	8.60	Giỏi		
7	1217094	Nguyễn Thị Thanh Huệ	Nữ	22/01/1994	Phú Yên	7.49	Khá		
8	1217137	Hồ Thị Lý	Nữ	27/07/1994	Nghệ An	8.27	Giỏi		
9	1217152	Nguyễn Thị Kiều Ngân	Nữ	06/03/1994	Lâm Đồng	7.45	Khá		
10	1217153	Phan Thị Thanh Ngân	Nữ	19/11/1994	Tiền Giang	8.18	Giỏi		
11	1217164	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	Nữ	18/07/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	8.00	Giỏi		
12	1217221	Huỳnh Trang Thanh	Nữ	22/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.10	Giỏi		
13	1217249	Đỗ Thị Như Thủy	Nữ	19/09/1994	Lâm Đồng	7.60	Khá		
14	1217263	Trần Phương Toàn	Nữ	02/07/1994	Sông Bé	8.10	Giỏi		
15	1217268	Phạm Thị Bích Trang	Nữ	27/05/1994	Đồng Nai	7.38	Khá		
16	1217275	Huỳnh Thị Diễm Trinh	Nữ	21/10/1994	Bến Tre	7.35	Khá		
17	1217276	Lê Thị Mộng Trinh	Nữ	12/10/1994	Bình Định	8.09	Giỏi		
18	1217296	Phạm Thị Bích Tuyền	Nữ	22/02/1994	Tiền Giang	7.30	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa học môi trường (*D440301*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 6

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Khoa học Môi trường									
19	1217299	Dương Thị Cẩm Tú	Nữ	00/00/1993	Đồng Tháp	7.69	Khá		
Chuyên ngành : Quản lý Môi trường									
20	1217016	Phùng Quốc Bảo	Nam	09/01/1994	Lâm Đồng	7.37	Khá		
21	1217033	Võ Thị Thu Cúc	Nữ	11/01/1994	Tây Ninh	7.01	Khá		
22	1217043	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nữ	02/05/1994	Đắk Lắk	7.52	Khá		
23	1217048	Nguyễn Thị Phương Duyên	Nữ	25/10/1994	Sông Bé	7.32	Khá		
24	1217066	Nguyễn Thị Hải	Nữ	28/12/1994	Thanh Hóa	7.53	Khá		
25	1217077	Nguyễn Hiếu	Nam	24/08/1994	Khánh Hòa	7.43	Khá		
26	1217093	Nguyễn Thị Xuân Hồng	Nữ	17/11/1994	Khánh Hòa	7.16	Khá		
27	1217116	Lê Thị Mỹ Kim	Nữ	03/03/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.99	Trung bình khá		
28	1217122	Mạc Khánh Linh	Nữ	17/04/1994	Hải Dương	7.39	Khá		
29	1217126	Nguyễn Thị Loan	Nữ	10/09/1994	Hà Tĩnh	7.50	Khá		
30	1217136	Đặng Thị Lý	Nữ	16/05/1994	Bình Thuận	8.07	Giỏi		
31	1217143	Phan Ngọc Minh	Nữ	21/06/1994	Kiên Giang	7.93	Khá		
32	1217148	Nguyễn Lê Nhật Nam	Nam	26/01/1994	Lâm Đồng	7.18	Khá		
33	1217149	Nguyễn Ngọc Nam	Nam	22/11/1994	Bình Dương	8.03	Giỏi		
34	1217151	Lê Thị Kim Ngân	Nữ	03/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.03	Giỏi		
35	1217157	Lê Thị Bảo Ngọc	Nữ	20/12/1993	Đồng Nai	7.98	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa học môi trường (D440301) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

3 / 6

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Quản lý Môi trường									
36	1217188	Lê Thị Yến Phi	Nữ	05/03/1994	Tây Ninh	7.36	Khá		
37	1217192	Nguyễn Thanh Phương	Nữ	08/06/1994	Đắk Lắk	7.29	Khá		
38	1217195	Trương Ngọc Lan Phương	Nữ	10/04/1994	Vĩnh Long	7.80	Khá		
39	1217203	Nguyễn Thị Nhã Quyên	Nữ	12/04/1994	Quảng Trị	6.88	Trung bình khá		
40	1217228	Nguyễn Khánh Phương Thảo	Nữ	16/06/1994	Quảng Trị	7.30	Khá		
41	1217242	Trần Thanh Kim Thoa	Nữ	15/10/1994	Quảng Ngãi	7.10	Khá		
42	1217264	Đào Thị Trang	Nữ	10/02/1994	Đắk Lắk	7.48	Khá		
43	1217265	Đặng Thị Thuỳ Trang	Nữ	03/10/1994	Bình Thuận	7.63	Khá		
44	1217266	Lê Hoài Trang	Nữ	20/04/1994	Ninh Thuận	7.55	Khá		
45	1217270	Trần Nguyễn Thiên Trang	Nữ	27/09/1994	Quảng Trị	7.54	Khá		
46	1217278	Nguyễn Thị Tú Trinh	Nữ	22/08/1994	Sông Bé	7.32	Khá		
47	1217314	Tạ Thị Vui	Nữ	01/10/1994	Bình Thuận	6.88	Trung bình khá		
48	1217329	Nguyễn Lê Như Ý	Nữ	13/06/1994	Tây Ninh	6.93	Trung bình khá		
Chuyên ngành : Môi trường và Tài nguyên biển									
49	1217079	Nguyễn Thanh Hiền	Nữ	13/05/1994	Khánh Hòa	7.18	Khá		
50	1217107	Trần Thị Hương	Nữ	14/10/1994	Nghệ An	6.99	Trung bình khá		
51	1217123	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	Nữ	03/02/1994	Bến Tre	6.94	Trung bình khá		
52	1217135	Trần Thảo Ly	Nữ	19/01/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.94	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa học môi trường (*D440301*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

4 / 6

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Môi trường và Tài nguyên biển									
53	1217158	Lê Thị Ngọc	Nữ	13/07/1994	Nghệ An	6.77	Trung bình khá		
54	1217162	Lê Nguyễn	Nam	31/01/1994	Ninh Thuận	7.50	Khá		
55	1217212	Trần Nguyễn Hữu Tài	Nam	04/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.68	Trung bình khá		
56	1217272	Trương Ngọc Trâm	Nữ	18/11/1994	Gia Lai	6.77	Trung bình khá		
57	1217294	Phạm Thị Tuyết	Nữ	16/04/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.95	Trung bình khá		
58	1217324	Nguyễn Thị Xon	Nữ	11/01/1991	Thái Bình	7.27	Khá		
Chuyên ngành : Tin học Môi trường									
59	1217008	Nguyễn Văn Phình Anh	Nam	07/12/1994	Long An	7.25	Khá		
60	1217022	Nguyễn Văn Bồi	Nam	06/10/1994	Quảng Ngãi	8.21	Giỏi		
61	1217038	Phùng Thị Mỹ Diễm	Nữ	13/03/1994	Lâm Đồng	6.55	Trung bình khá		
62	1217068	Lương Tiểu Hào	Nam	01/03/1994	An Giang	7.19	Khá		
63	1217080	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	01/05/1994	Bình Định	7.97	Khá		
64	1217082	Trương Thị Ngọc Hiền	Nữ	02/05/1994	Quảng Bình	7.81	Khá		
65	1217134	Phạm Thị Diệu Ly	Nữ	27/08/1994	Đắk Lắk	7.70	Khá		
66	1217180	Phạm Thị Quỳnh Như	Nữ	10/08/1994	Đồng Nai	7.51	Khá		
67	1217235	Nguyễn Văn Thắng	Nam	12/02/1990	Nghệ An	8.01	Giỏi		
68	1217257	Trần Thị Thương Thư	Nữ	20/02/1994	Bến Tre	8.00	Giỏi		
69	1217280	Ngô Quang Trí	Nam	26/10/1994	Tây Ninh	7.30	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa học môi trường (*D440301*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

6 / 6

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Viễn thám và GIS ứng dụng									
86	1217012	Bùi Thị Như Ánh (Nợ học phí)	Nữ	06/03/1993	Sông Bé	6.40	Trung bình khá		
87	1217047	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	17/08/1994	Hà Tĩnh	7.55	Khá		
88	1217085	Lê Thị Thúy Hoa	Nữ	01/09/1994	Thanh Hóa	7.17	Khá		
89	1217096	Đào Thị Thu Huyền	Nữ	30/03/1994	Đắk Lắk	8.06	Giỏi		
90	1217139	Võ Thanh Mai	Nữ	06/07/1994	Long An	8.07	Giỏi		
91	1217178	Vũ Thị Hồng Nhung	Nữ	26/01/1994	Đồng Nai	7.19	Khá		
92	1217320	Võ Ngọc Vũ	Nam	11/12/1994	Bình Định	7.15	Khá		
93	1217328	Võ Thị Yến	Nữ	06/10/1994	Quảng Ngãi	6.60	Trung bình khá		

Tổng số sinh viên : 93
Số sinh viên đạt loại xuất sắc : 0
Số sinh viên đạt loại giỏi: 17
Số sinh viên đạt loại khá : 57
Số sinh viên đạt loại trung bình khá : 19
Số sinh viên đạt loại trung bình : 0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ môi trường (206) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNMT không khí và chất thải rắn									
1	1022040	Nguyễn Hữu Cường	Nam	09/10/91	Lâm Đồng	6.29	Trung bình khá		Kinh
2	1122357	Trần Thanh Tú	Nam	30/03/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.41	Khá		Kinh

Tổng số sinh viên : 2
Số sinh viên đạt loại xuất sắc : 0
Số sinh viên đạt loại giỏi: 0
Số sinh viên đạt loại khá : 1
Số sinh viên đạt loại trung bình khá : 1
Số sinh viên đạt loại trung bình : 0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ kỹ thuật môi trường (*D510406*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 6

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNMT nước và đất									
1	1222006	Nguyễn Văn Việt Anh	Nam	03/11/1994	Tiền Giang	7.15	Khá		
2	1222017	Trà Ngọc Thanh Cẩm	Nam	12/03/1994	Quảng Ngãi	6.92	Trung bình khá		
3	1222034	Phan Thị Hồng Đào	Nữ	04/11/1994	Đắk Lắk	7.00	Khá		
4	1222035	Nguyễn Văn Đại	Nam	20/03/1994	TP. Cần Thơ	7.86	Khá		
5	1222040	Phạm Vũ Ngọc Đăng	Nam	25/11/1994	Gia Lai	6.81	Trung bình khá		
6	1222059	Nguyễn Thị Ngọc Hậu	Nữ	02/06/1994	Khánh Hòa	7.46	Khá		
7	1222062	Đoàn Thị Minh Hiền	Nữ	07/02/1994	Quảng Ngãi	7.20	Khá		
8	1222065	Bùi Phước Hoàng	Nam	09/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.26	Khá		
9	1222083	Trần Thị Thu Hương	Nữ	13/07/1994	Đồng Nai	7.11	Khá		
10	1222086	Nguyễn Hoàng Kha	Nam	02/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.20	Khá		
11	1222089	Phạm Quang Khải	Nam	15/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.70	Trung bình khá		
12	1222091	Tạ Công Khiêm	Nam	10/01/1994	Quảng Ngãi	7.31	Khá		
13	1222094	Nguyễn Thị Khuyên	Nữ	16/08/1994	Quảng Ngãi	7.19	Khá		
14	1222102	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	25/08/1994	An Giang	7.11	Khá		
15	1222106	Trần Thị Mỹ Linh	Nữ	05/03/1994	Sông Bé	7.84	Khá		
16	1222107	Trần Thị Thuỳ Linh	Nữ	28/08/1994	Nghệ An	6.89	Trung bình khá		
17	1222109	Lê Huỳnh Trúc Ly	Nữ	20/01/1994	Khánh Hòa	7.61	Khá		
18	1222110	Phạm Thị Ly	Nữ	16/12/1994	Quảng Ngãi	7.81	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ kỹ thuật môi trường (D510406) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 6

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNMT nước và đất									
19	1222111	La Thị Tuyết Mai	Nữ	02/07/1994	Lâm Đồng	7.57	Khá		
20	1222117	Lưu Huy Minh	Nam	12/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.19	Khá		
21	1222121	Trương Thị Trà My	Nữ	12/10/1994	Nghệ An	6.96	Trung bình khá		
22	1222125	Bùi Thị Thúy Nga	Nữ	29/12/1994	Vĩnh Phúc	7.56	Khá		
23	1222127	Nguyễn Thị Ánh Nga	Nữ	20/04/1993	Quảng Ngãi	7.50	Khá		
24	1222128	Nguyễn Thị Kiều Nga	Nữ	05/05/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.42	Khá		
25	1222130	Nguyễn Thị Nga	Nữ	19/09/1994	Nghệ An	7.47	Khá		
26	1222131	Phạm Thị Nga	Nữ	15/06/1994	Nam Định	6.54	Trung bình khá		
27	1222139	Hoàng Thị Bích Ngọc	Nữ	30/07/1994	Thanh Hóa	8.09	Giỏi		
28	1222141	Nguyễn Ngô Hồng Ngọc	Nữ	08/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.69	Khá		
29	1222152	Nguyễn Thị Tuyết Nhân	Nữ	03/02/1993	Bến Tre	7.91	Khá		
30	1222160	Trần Thị Quỳnh Như	Nữ	11/05/1994	Đồng Nai	7.36	Khá		
31	1222177	Huỳnh Thị Minh Phương	Nữ	11/04/1994	Đồng Tháp	7.88	Khá		
32	1222178	Thái Diễm Phương	Nữ	25/09/1994	Long An	6.53	Trung bình khá		
33	1222181	Hà Thị Mỹ Phương	Nữ	11/09/1994	Phú Yên	6.77	Trung bình khá		
34	1222190	Phạm Văn Quý	Nam	16/02/1993	Sông Bé	6.01	Trung bình khá		
35	1222191	Đặng Diễm Quỳnh	Nữ	01/09/1994	Sông Bé	6.70	Trung bình khá		
36	1222207	Nguyễn Công Tấn Thành	Nam	04/05/1994	An Giang	7.70	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ kỹ thuật môi trường (D510406) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

3 / 6

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNMT nước và đất									
37	1222213	Phạm Thị Thảo	Nữ	05/09/1994	Đắk Lắk	7.70	Khá		
38	1222224	Ngô Đức Thông	Nam	11/04/1994	Hà Tĩnh	6.51	Trung bình khá		
39	1222225	Võ Văn Thới	Nam	06/11/1994	Đồng Tháp	6.96	Trung bình khá		
40	1222234	Trần Thị Thanh Thuỷ	Nữ	16/04/1994	Đắk Lắk	7.32	Khá		
41	1222236	Võ Thị Phương Thúy	Nữ	10/11/1993	Quảng Trị	7.68	Khá		
42	1222239	Trần Vũ Xuân Thủy	Nữ	23/04/1994	Quảng Nam	7.05	Khá		
43	1222241	Phạm Hồng Lạc Thư	Nữ	31/10/1994	Bình Định	7.18	Khá		
44	1222256	Lê Thị Thu Trang	Nữ	12/08/1994	Bình Dương	7.27	Khá		
45	1222261	Nguyễn Võ Sơn Trà	Nam	22/07/1994	Long An	6.40	Trung bình khá		
46	1222266	Nguyễn Thị Kiều Trinh	Nữ	06/06/1994	Quảng Trị	7.95	Khá		
47	1222267	Nguyễn Thị Mai Trinh	Nữ	13/05/1992	Hà Tĩnh	7.20	Khá		
48	1222269	Trương Thị Trinh	Nữ	17/11/1994	Thanh Hóa	7.27	Khá		
49	1222280	Lê Thanh Trúc	Nữ	18/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.81	Khá		
50	1222293	Nguyễn Bảo Uyên	Nữ	31/08/1994	Quảng Ngãi	7.83	Khá		
51	1222296	Nguyễn Quốc Việt	Nam	01/08/1994	Bình Định	7.03	Khá		
52	1222300	Đặng Thị Vững	Nữ	10/04/1994	Thanh Hóa	7.80	Khá		
53	1222302	Nguyễn Lưu Tường Vy	Nữ	06/07/1994	Đồng Nai	6.92	Trung bình khá		
54	1222304	Võ Thị Kim Yến	Nữ	20/08/1994	Quảng Ngãi	7.38	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ kỹ thuật môi trường (*D510406*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

4 / 6

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNMT nước và đất									
55	1222305	Võ Thị Kim Yến	Nữ	27/07/1994	Bình Định	7.72	Khá		
56	1222307	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	31/08/1994	Đồng Nai	7.34	Khá		
57	1222308	Sơn Ngọc Hào	Nam	04/02/1993	Trà Vinh	6.39	Trung bình khá		
Chuyên ngành : CNMT không khí và chất thải rắn									
58	1222001	Bùi Tuấn Anh	Nam	22/12/1994	Đồng Nai	6.71	Trung bình khá		
59	1222005	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	29/05/1994	Bắc Giang	7.34	Khá		
60	1222014	Huỳnh Hữu Bằng	Nam	09/06/1993	Tiền Giang	7.05	Khá		
61	1222025	Nguyễn Thành Danh	Nam	14/10/1994	Sông Bé	6.30	Trung bình khá		
62	1222046	Đinh Thị Hà	Nữ	27/09/1994	Nam Định	7.14	Khá		
63	1222049	Trần Thị Long Hà	Nữ	18/02/1994	Long An	6.57	Trung bình khá		
64	1222056	Ngô Thị Mỹ Hạnh	Nữ	21/08/1994	Gia Lai	7.52	Khá		
65	1222063	Hoàng Thị Thái Hiền	Nữ	02/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.65	Trung bình khá		
66	1222064	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	15/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.08	Khá		
67	1222071	Nguyễn Quang Học	Nam	10/06/1994	Đồng Nai	6.79	Trung bình khá		
68	1222076	Huỳnh Quan Huy	Nam	14/12/1994	Sông Bé	7.15	Khá		
69	1222100	Hồ Ánh Linh	Nữ	09/03/1994	Long An	6.33	Trung bình khá		
70	1222104	Nguyễn Văn Linh	Nam	20/09/1993	Bình Định	6.39	Trung bình khá		
71	1222120	Nguyễn Thị Hà My	Nữ	17/09/1994	Quảng Nam	7.22	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ kỹ thuật môi trường (D510406) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

5 / 6

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNMT không khí và chất thải rắn									
72	1222135	Trang Thùy Ngân	Nữ	13/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.83	Khá		
73	1222140	Lê Minh Ngọc	Nam	12/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.02	Khá		
74	1222143	Phạm Thị Bích Ngọc	Nữ	20/10/1993	Gia Lai	6.76	Trung bình khá		
75	1222144	Trần Thị Minh Ngọc	Nữ	04/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.17	Khá		
76	1222157	Lê Huỳnh Như	Nữ	15/01/1994	Bến Tre	6.98	Trung bình khá		
77	1222159	Phạm Ngọc Quỳnh Như	Nữ	18/09/1994	Đồng Nai	6.35	Trung bình khá		
78	1222166	Nguyễn Tấn Phát	Nam	08/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.58	Khá		
79	1222172	Nguyễn Thị Hồng Phúc	Nữ	16/01/1994	Quảng Ngãi	6.92	Trung bình khá		
80	1222194	Huỳnh Ngọc Sơn	Nam	24/04/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.75	Trung bình khá		
81	1222210	Dương Hoàng Thanh Thảo	Nữ	23/02/1994	Khánh Hòa	7.69	Khá		
82	1222211	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	30/03/1994	Sông Bé	6.81	Trung bình khá		
83	1222212	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	07/05/1994	Ninh Bình	6.69	Trung bình khá		
84	1222218	Võ Minh Thiện	Nữ	13/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.32	Khá		
85	1222221	Đinh Ngọc Thịnh	Nam	07/01/1994	Bình Thuận	7.58	Khá		
86	1222232	Mạc Thị Hà Thu	Nữ	04/03/1994	Bình Định	7.11	Khá		
87	1222237	Bùi Thị Miên Thùy	Nữ	31/03/1994	Quảng Ngãi	8.14	Giỏi		
88	1222248	Trần Nhật Tiến	Nam	14/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.17	Khá		
89	1222249	Huỳnh Trung Tín	Nam	09/06/1994	An Giang	6.91	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ kỹ thuật môi trường (D510406) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

6 / 6

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNMT không khí và chất thải rắn									
90	1222257	Lương Thị Thuỷ Trang	Nữ	23/07/1994	Khánh Hòa	6.89	Trung bình khá		
91	1222271	Nguyễn Minh Trí	Nam	12/09/1994	Tiền Giang	6.61	Trung bình khá		
92	1222272	Nguyễn Khánh Trọng	Nam	06/06/1994	Quảng Ngãi	7.26	Khá		
93	1222273	Nguyễn Xuân Trọng	Nam	31/12/1994	Bình Định	6.51	Trung bình khá		
94	1222285	Nguyễn Châu Tuấn	Nam	18/01/1994	Quảng Trị	7.54	Khá		
95	1222306	Nguyễn Thành Ý	Nam	01/03/1994	Đồng Nai	7.18	Khá		

Tổng số sinh viên : 95

Số sinh viên đạt loại xuất sắc : 0

Số sinh viên đạt loại giỏi: 2

Số sinh viên đạt loại khá : 60

Số sinh viên đạt loại trung bình khá : 33

Số sinh viên đạt loại trung bình : 0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa Học Vật liệu (207) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật liệu Màng mỏng									
1	1119002	Lê Duy Anh	Nam	08/03/1993	Bến Tre	6.19	Trung bình khá		Kinh
2	1119477	Nguyễn Thái Duy	Nam	10/07/1993	Bến Tre	6.18	Trung bình khá		Kinh
3	1119491	Trần Quang Hưng	Nam	25/03/1993	Đồng Nai	6.86	Trung bình khá		Kinh
4	1119515	Phạm Hoàng Sang	Nam	16/07/1990	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.45	Trung bình khá		Kinh
Chuyên ngành : Vật liệu Polymer và Composite									
5	1019185	Nguyễn Vũ Trọng	Nam	12/06/90	Tiền Giang	6.03	Trung bình khá		Kinh
6	1119246	Tô Thành Nhân	Nam	30/11/1992	TP. Hồ Chí Minh	6.73	Trung bình khá		Kinh
7	1119395	Phan Minh Trí	Nam	26/08/1992	Bình Định	6.38	Trung bình khá		Kinh
8	1119435	Nguyễn Văn Vinh	Nam	16/08/1993	Quảng Ngãi	6.33	Trung bình khá		Kinh
9	1119517	Tô Hữu Tâm	Nam	01/09/1993	An Giang	6.44	Trung bình khá		Kinh
Chuyên ngành : Vật liệu Từ và Y sinh									
10	1019084	Huỳnh Dương Luân	Nam	18/12/92	TP. Hồ Chí Minh	6.61	Trung bình khá		Kinh
11	1119027	Nguyễn Thị Chi	Nữ	28/02/1993	Khánh Hòa	6.90	Trung bình khá		Kinh



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa Học Vật liệu (207) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 2

Tổng số sinh viên :	11
Số sinh viên đạt loại xuất sắc :	0
Số sinh viên đạt loại giỏi:	0
Số sinh viên đạt loại khá :	0
Số sinh viên đạt loại trung bình khá :	11
Số sinh viên đạt loại trung bình :	0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa học vật liệu (*D430122*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật liệu Màng mỏng									
1	1219007	Vũ Trung Anh	Nam	19/09/1994	Bình Thuận	6.76	Trung bình khá		
2	1219013	Vũ Nguyệt Ánh	Nữ	30/10/1994	Ninh Bình	6.29	Trung bình khá		
3	1219053	Võ Thanh Dương	Nam	26/02/1994	Quảng Ngãi	7.03	Khá		
4	1219070	Nguyễn Văn Giác	Nam	08/11/1994	Phú Yên	6.72	Trung bình khá		
5	1219080	Nguyễn Thị Thuý Hằng	Nữ	30/10/1994	Lâm Đồng	7.43	Khá		
6	1219082	Cao Minh Hân	Nam	18/03/1994	Bình Định	6.69	Trung bình khá		
7	1219085	Đồng Cao Hiếu	Nam	01/01/1994	Quảng Ngãi	6.83	Trung bình khá		
8	1219097	Nguyễn Ngọc Hoàng	Nam	11/05/1994	Thanh Hóa	8.19	Giỏi		
9	1219134	Trần Ngọc Lâm	Nam	20/05/1994	Lâm Đồng	7.04	Khá		
10	1219162	Phạm Thị Tuyết Mơ	Nữ	07/11/1994	Tiền Giang	7.99	Khá		
11	1219169	Nguyễn Thành Nam	Nam	15/01/1994	Tây Ninh	7.13	Khá		
12	1219172	Lê Mộng Nghi	Nữ	07/12/1992	Bạc Liêu	6.81	Trung bình khá		
13	1219185	Võ Thị Nhân	Nữ	05/09/1994	Bình Định	7.44	Khá		
14	1219204	Lâm Quang Phúc	Nam	14/05/1993	Ninh Bình	7.50	Khá		
15	1219220	Bùi Khắc Quốc	Nam	22/10/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.50	Trung bình khá		
16	1219243	Nguyễn Mạnh Tân	Nam	15/08/1994	Khánh Hòa	7.44	Khá		
17	1219252	Lê Thị Thảo	Nữ	04/02/1994	Quảng Trị	7.48	Khá		
18	1219264	Hồ Huỳnh Thi	Nam	13/01/1994	Tiền Giang	8.69	Giỏi		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa học vật liệu (*D430122*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật liệu Màng mỏng									
19	1219279	Nguyễn Bích Thuỷ	Nữ	24/08/1994	Lâm Đồng	6.89	Trung bình khá		
20	1219290	Lý Thuỷ Cẩm Tiên	Nữ	19/07/1994	Tiền Giang	6.48	Trung bình khá		
21	1219307	Nguyễn Hải Triều	Nam	10/11/1994	Lâm Đồng	7.06	Khá		
22	1219327	Đặng Quốc Tuấn	Nam	10/10/1994	Long An	7.78	Khá		
23	1219328	Lê Hứa Thanh Tuấn	Nam	21/06/1994	Tiền Giang	6.77	Trung bình khá		
24	1219336	Đoàn Thị Mộng Tuyền	Nữ	29/12/1993	Long An	6.36	Trung bình khá		
25	1219370	Nguyễn Thị Mai Anh	Nữ	24/12/1994	Đồng Nai	7.14	Khá		
26	1219390	Nguyễn Chí Bình	Nam	10/01/1994	Đồng Tháp	7.58	Khá		
27	1219500	Tạ Văn Hoàng	Nam	17/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.50	Khá		
28	1219599	Nguyễn Duy Minh	Nam	31/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.86	Trung bình khá		
29	1219632	Võ Thị Phúc Ngọc	Nữ	08/03/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.71	Trung bình khá		
30	1219648	Ong Trọng Nhân	Nam	12/08/1994	Sóc Trăng	7.42	Khá		
31	1219679	Lê Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	21/10/1994	Bình Thuận	6.67	Trung bình khá		
32	1219814	Hồ Phạm Sĩ Tiền	Nam	04/01/1994	Bình Định	6.88	Trung bình khá		
33	1219840	Nguyễn Chánh Trung (Nợ học phí)	Nam	14/07/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.59	Trung bình khá		
34	1219893	Lê Ngọc Anh	Nữ	12/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.31	Khá		
35	1219914	Đoàn Thị Thu Hiền	Nữ	20/01/1994	Đắk Lắk	7.29	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa học vật liệu (*D430122*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

3 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật liệu Màng mỏng									
36	1219932	Đoàn Thị Kiều Oanh	Nữ	06/07/1994	Lâm Đồng	6.85	Trung bình khá		
37	1219935	Trần Khánh Phụng	Nữ	02/09/1994	Quảng Ngãi	7.37	Khá		
38	1219939	Hồ Lệ Quyên	Nữ	14/03/1993	Đắk Lắk	6.48	Trung bình khá		
39	1219954	Nguyễn Thị Thanh Thoa	Nữ	16/07/1994	Quảng Ngãi	6.90	Trung bình khá		
Chuyên ngành : Vật liệu Polymer và Composite									
40	1219009	Lê Thành An	Nam	08/12/1994	Trà Vinh	7.20	Khá		
41	1219016	Lê Thị Hải Âu	Nữ	21/05/1993	Hà Nam	6.69	Trung bình khá		
42	1219019	Trần Quang Bình	Nam	06/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.05	Khá		
43	1219024	Phan Hà Thị Minh Châu	Nữ	11/05/1994	Phú Yên	6.04	Trung bình khá		
44	1219027	Ngô Thị Kim Chi	Nữ	11/06/1994	Ninh Bình	6.91	Trung bình khá		
45	1219032	Lê Thị Chung	Nữ	12/06/1993	Bình Phước	7.19	Khá		
46	1219037	Trương Hồ Ngọc Cường	Nam	10/10/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.50	Trung bình khá		
47	1219055	Huỳnh Tấn Đạt	Nam	19/09/1994	Kiên Giang	6.20	Trung bình khá		
48	1219064	Hồ Chí Đức	Nam	11/09/1993	Hà Tĩnh	7.09	Khá		
49	1219079	Đặng Thị Hồng Hạnh	Nữ	28/06/1994	Phú Yên	7.05	Khá		
50	1219083	Sơn Tăng Tịch Heng	Nam	29/01/1994	Trà Vinh	6.14	Trung bình khá		
51	1219091	Hồ Sĩ Hoài	Nam	04/07/1994	Bình Thuận	6.48	Trung bình khá		
52	1219095	Bùi Xuân Hoàng	Nam	19/09/1994	Đồng Nai	6.49	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa học vật liệu (*D430122*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

4 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật liệu Polymer và Composite									
53	1219100	Trần Hòa	Nam	10/06/1994	Quảng Ngãi	7.13	Khá		
54	1219128	Lê Hùng Khuê	Nam	10/01/1994	Ninh Thuận	7.30	Khá		
55	1219133	Phạm Huy Lâm	Nam	11/10/1994	Tiền Giang	7.99	Khá		
56	1219145	Bùi Thăng Long	Nam	24/08/1994	Thanh Hóa	6.24	Trung bình khá		
57	1219150	Phạm Quỳnh Như Luận	Nữ	24/10/1994	Ninh Thuận	6.48	Trung bình khá		
58	1219151	Nguyễn Hoàng Luyến	Nam	20/05/1994	Bình Thuận	6.36	Trung bình khá		
59	1219156	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	21/02/1994	Đắk Lắk	6.28	Trung bình khá		
60	1219159	Nguyễn Quang Minh	Nam	17/09/1994	Đồng Nai	7.00	Khá		
61	1219178	Đặng Thị Khánh Nguyên	Nữ	28/08/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.23	Khá		
62	1219180	Lê Thị Thảo Nguyên	Nữ	05/07/1994	Quảng Nam	7.44	Khá		
63	1219201	Đinh Hữu Phúc	Nam	08/01/1994	Bình Định	7.01	Khá		
64	1219207	Trần Văn Phúc	Nam	20/09/1994	Đồng Nai	6.32	Trung bình khá		
65	1219218	Lê Đoàn Quân	Nam	28/04/1994	Bình Định	6.69	Trung bình khá		
66	1219223	Võ Xuân Quý	Nam	02/03/1993	Đồng Nai	7.01	Khá		
67	1219278	Lê Thị Ngọc Thuýn	Nữ	15/11/1994	Long An	7.86	Khá		
68	1219280	Phan Thị Thuý	Nữ	19/10/1994	Hà Tĩnh	6.50	Trung bình khá		
69	1219297	Nguyễn Huy Tín	Nam	29/11/1994	Trà Vinh	6.19	Trung bình khá		
70	1219317	Huỳnh Văn Trung	Nam	22/04/1994	Quảng Ngãi	7.22	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa học vật liệu (*D430122*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

5 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật liệu Polymer và Composite									
71	1219322	Nguyễn Thế Truyền (Nợ học phí)	Nam	22/04/1993	Quảng Ngãi	6.04	Trung bình khá		
72	1219342	Nguyễn Đỗ Tùng	Nam	22/10/1993	Quảng Nam	6.58	Trung bình khá		
73	1219348	Huỳnh Quốc Việt	Nam	30/10/1994	Quảng Ngãi	7.36	Khá		
74	1219351	Nguyễn Phùng Vinh	Nam	07/04/1994	Đắk Lắk	6.58	Trung bình khá		
75	1219355	Phạm Hoàng Vũ	Nam	01/01/1994	Long An	6.09	Trung bình khá		
76	1219359	Huỳnh Cẩm Xuyên	Nữ	23/03/1994	Long An	6.93	Trung bình khá		
77	1219360	Ngô Thị Yến	Nữ	16/10/1992	Quảng Ngãi	6.44	Trung bình khá		
78	1219365	Lê Tiến Anh	Nam	30/01/1993	Bình Định	6.21	Trung bình khá		
79	1219649	Trần Thanh Nhân	Nam	02/12/1994	Tiền Giang	6.83	Trung bình khá		
80	1219671	Ninh Đức Phát	Nam	20/09/1994	Mình Hải	6.22	Trung bình khá		
81	1219822	Văn Thành Bảo Toàn	Nam	19/01/1994	Tiền Giang	6.67	Trung bình khá		
82	1219832	Trương Kiều Mỹ Trinh	Nữ	21/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.63	Trung bình khá		
83	1219844	Hồ Võ Thanh Trường	Nam	01/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.15	Trung bình khá		
84	1219883	Võ Thị Thúy Vi	Nữ	05/10/1994	Kiên Giang	6.21	Trung bình khá		
85	1219894	Nguyễn Song Đức Anh	Nam	25/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.20	Trung bình khá		
86	1219896	Phạm Thanh Thúy Ái	Nữ	23/04/1994	Đắk Lắk	6.48	Trung bình khá		
87	1219897	Trần Ngọc Bảo Ân	Nam	12/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.29	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa học vật liệu (*D430122*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

6 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật liệu Polymer và Composite									
88	1219903	Phạm Duy	Nam	28/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.52	Trung bình khá		
89	1219909	Nguyễn Thị Hà	Nữ	10/12/1994	Bình Định	7.19	Khá		
90	1219911	Võ Lê Văn Hậu	Nam	04/03/1994	Khánh Hòa	7.45	Khá		
91	1219927	Đinh Quỳnh Bảo Ngân	Nữ	21/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.46	Trung bình khá		
92	1219941	Lê Thị Thảo Sương	Nữ	06/12/1994	Long An	7.22	Khá		
93	1219946	Nguyễn Văn Thân	Nam	13/05/1993	Phú Yên	6.84	Trung bình khá		
94	1219950	Võ Đức Thiện	Nam	25/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.62	Khá		
95	1219952	Đặng Quang Thịnh	Nam	16/09/1993	Phú Yên	6.51	Trung bình khá		
96	1219960	Nguyễn Văn Trường	Nam	04/10/1994	Thái Bình	6.28	Trung bình khá		
97	1219965	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	24/06/1994	Đồng Nai	6.41	Trung bình khá		
Chuyên ngành : Vật liệu Từ và Y sinh									
98	1219020	Trần Quang Bình	Nam	20/11/1994	An Giang	8.34	Giỏi		
99	1219067	Trần Minh Đức	Nam	25/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.43	Trung bình khá		
100	1219069	Nguyễn Thị Trúc Giang	Nữ	15/10/1994	Đồng Tháp	6.88	Trung bình khá		
101	1219075	Trần Dũng Hà	Nam	05/03/1994	Sông Bé	6.87	Trung bình khá		
102	1219102	Đặng Quốc Hội	Nam	01/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.40	Trung bình khá		
103	1219137	Nguyễn Thị Xuân Liêu	Nữ	10/03/1993	Bình Định	6.72	Trung bình khá		
104	1219138	Đinh Thị Liệu	Nữ	10/05/1994	Nghệ An	6.70	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa học vật liệu (*D430122*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

7 / 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vật liệu Từ và Y sinh									
105	1219191	Trần Thị Ngọc Nhi	Nữ	02/09/1994	Quảng Ngãi	7.24	Khá		
106	1219213	Trần Thị Thúy Phương	Nữ	09/05/1994	Quảng Trị	6.20	Trung bình khá		
107	1219229	Nguyễn Thanh Sơn	Nam	05/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.38	Khá		
108	1219233	Nguyễn Đức Tài	Nam	12/01/1994	Đồng Nai	7.77	Khá		
109	1219254	Võ Thị Thu Thắm	Nữ	01/05/1994	Lâm Đồng	7.00	Khá		
110	1219267	Lê Thanh Thịnh	Nam	07/05/1994	Bình Định	7.05	Khá		
111	1219324	Nguyễn Hữu Trường	Nam	12/07/1993	TP. Hồ Chí Minh	6.41	Trung bình khá		
112	1219357	Tiêu Đình Vũ	Nam	27/07/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.94	Khá		
113	1219534	Trần Mạnh Hùng	Nam	03/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.25	Trung bình khá		
114	1219866	Nguyễn Văn Tùng	Nam	10/01/1993	Bình Định	6.86	Trung bình khá		
115	1219930	Châu Sĩ Nguyên	Nam	06/11/1994	Sóc Trăng	7.59	Khá		
116	1219944	Nguyễn Thị Thản	Nữ	10/10/1993	Nghệ An	7.63	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Khoa học vật liệu (*D430122*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

8 / 8

Tổng số sinh viên :	116
Số sinh viên đạt loại xuất sắc :	0
Số sinh viên đạt loại giỏi:	3
Số sinh viên đạt loại khá :	47
Số sinh viên đạt loại trung bình khá :	66
Số sinh viên đạt loại trung bình :	0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Sinh học (301) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Sinh thái - Tài nguyên sinh vật									
1	1015380	Trần Kim Sơn	Nam	23/05/92	Sóc Trăng	6.75	Trung bình khá		Hoa
2	1015701	Nguyễn Phú Huỳnh Huy	Nam	20/12/92	Phú Yên	6.44	Trung bình khá		Kinh
Chuyên ngành : Tổng Quát									
3	1015625	Lê Minh Cường	Nam	20/10/92	Gia Lai	5.96	Trung bình		Kinh
4	1115087	Phạm Thị Hoàng Diệu	Nữ	05/04/1993	Tây Ninh	6.34	Trung bình khá		Kinh
5	1115457	Nguyễn Đỗ Ngọc Quyên	Nữ	09/09/1993	TP. Hồ Chí Minh	6.35	Trung bình khá		Kinh
6	1115509	Trần Trọng Thái	Nam	09/05/1993	Đắk Lắk	6.32	Trung bình khá		Kinh
7	1115583	Phạm Thị Thủy	Nữ	11/12/1993	Bình Định	6.23	Trung bình khá		Kinh
8	1115636	Phạm Thị Kiều Trang	Nữ	28/12/1993	Nghệ An	6.39	Trung bình khá		Kinh
9	1115717	Lâm Vĩnh	Nam	05/02/1993	Quảng Ngãi	6.25	Trung bình khá		Kinh
Chuyên ngành : Vi Sinh									
10	0915645	Võ Minh Hoàng Ân	Nam	30/11/91	Tây Ninh	6.32	Trung bình khá		Kinh



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Sinh học (301) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 2

Tổng số sinh viên :	10
Số sinh viên đạt loại xuất sắc :	0
Số sinh viên đạt loại giỏi:	0
Số sinh viên đạt loại khá :	0
Số sinh viên đạt loại trung bình khá :	9
Số sinh viên đạt loại trung bình :	1

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Sinh học (*D420101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 11

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Di truyền - Sinh học phân tử									
1	1215038	Dư Kiên Dân	Nam	14/11/1993	TP. Hồ Chí Minh	7.33	Khá		
2	1215090	Huỳnh Thị Hảo	Nữ	20/08/1994	Bình Định	6.63	Trung bình khá		
3	1215157	Cao Trọng Khôi	Nam	01/09/1994	Vĩnh Long	6.75	Trung bình khá		
4	1215221	Nguyễn Lê Linh Ngọc	Nữ	09/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.21	Trung bình khá		
5	1215232	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Nữ	33656	Đồng Nai	6.19	Trung bình khá		
6	1215298	Từ Công Quyền	Nam	16/02/1994	Bình Định	6.29	Trung bình khá		
7	1215469	Huỳnh Ngọc Châu	Nữ	08/12/1993	TP. Hồ Chí Minh	7.01	Khá		
8	1215489	Hoàng Thị Thuý Dương	Nữ	20/11/1994	Đồng Nai	7.28	Khá		
9	1215493	Nguyễn Thành Đạt	Nam	10/09/1994	Tây Ninh	7.07	Khá		
10	1215610	Nguyễn Minh Thanh	Nam	10/12/1994	Bình Định	7.01	Khá		
Chuyên ngành : Sinh học Động vật									
11	1215016	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	05/04/1994	Hà Tĩnh	6.61	Trung bình khá		
12	1215021	Lý Quốc Bảo	Nam	28/06/1994	Bạc Liêu	6.77	Trung bình khá		
13	1215110	Nguyễn Thị Kiều Hoa	Nữ	25/12/1993	Sông Bé	6.75	Trung bình khá		
14	1215113	Đỗ Thị Như Hoài	Nữ	06/06/1994	Hà Bắc	7.09	Khá		
15	1215114	Nguyễn Minh Hoàng	Nam	22/04/1994	Phú Yên	7.53	Khá		
16	1215136	Bùi Hải Huỳnh	Nam	01/05/1994	Bình Thuận	6.79	Trung bình khá		
17	1215150	Huỳnh Trọng Kha	Nam	15/06/1994	Long An	6.97	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Sinh học (*D420101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 11

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Sinh học Động vật									
18	1215173	Phùng Thị Thùy Linh	Nữ	25/10/1994	Tây Ninh	7.19	Khá		
19	1215175	Trần Nguyễn Tùng Linh	Nữ	09/12/1994	Thanh Hóa	6.70	Trung bình khá		
20	1215202	Huỳnh Thị Hồng Nga	Nữ	09/09/1994	Sông Bé	7.23	Khá		
21	1215207	Nguyễn Thị Nga	Nữ	26/06/1994	Thái Bình	6.75	Trung bình khá		
22	1215209	Hồ Thị Kim Ngà	Nữ	18/02/1994	Khánh Hòa	6.60	Trung bình khá		
23	1215233	Trần Thị Ánh Nguyệt	Nữ	15/10/1994	Bình Định	7.27	Khá		
24	1215246	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	26/07/1994	Bình Phước	6.61	Trung bình khá		
25	1215282	Phạm Thị Bích Phương	Nữ	02/01/1994	Sông Bé	6.60	Trung bình khá		
26	1215283	Phạm Thị Lan Phương	Nữ	11/01/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.68	Trung bình khá		
27	1215305	Từ Quý Sang	Nam	15/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.04	Khá		
28	1215313	Phạm Văn Tài	Nam	18/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.01	Giỏi		
29	1215353	Nguyễn Thị Thu	Nữ	28/08/1994	Hưng Yên	7.30	Khá		
30	1215374	Võ Thụy Anh Thư	Nữ	06/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.87	Trung bình khá		
31	1215386	Đặng Thị Huyền Trang	Nữ	12/01/1993	Bến Tre	7.31	Khá		
32	1215396	Tôn Nữ Ngọc Trang	Nữ	23/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.24	Khá		
33	1215429	Lý Kim Tuyền	Nữ	26/08/1994	Long An	6.53	Trung bình khá		
34	1215430	Trần Thị Ánh Tuyết	Nữ	16/09/1994	Thanh Hoá	6.56	Trung bình khá		
35	1215431	Huỳnh Mộng Tuyền	Nữ	16/04/1994	Bình Định	6.43	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Sinh học (*D420101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

3 / 11

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Sinh học Động vật									
36	1215449	Lê Tuấn Vũ	Nam	22/11/1994	Thừa Thiên Huế	6.45	Trung bình khá		
37	1215477	Nguyễn Khắc Mỹ Diêu	Nữ	15/02/1994	Khánh Hòa	7.62	Khá		
38	1215481	Đỗ Lê Phương Dung	Nữ	06/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.47	Khá		
Chuyên ngành : Sinh hóa									
39	1215007	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	18/11/1994	Thừa Thiên Huế	7.08	Khá		
40	1215029	Phan Thụy Ngọc Châu	Nữ	15/12/1994	Long An	7.17	Khá		
41	1215039	Trịnh Thị Ngọc Diễm	Nữ	00/00/1994	Long An	7.33	Khá		
42	1215049	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	07/01/1994	Thừa Thiên Huế	7.31	Khá		
43	1215074	Lê Thị Giang	Nữ	24/05/1994	Nghệ An	7.03	Khá		
44	1215080	Nguyễn Đình Ngọc Giàu	Nữ	11/08/1993	Cần Thơ	7.01	Khá		
45	1215083	Lưu Khánh Hà	Nữ	22/01/1994	Bình Thuận	7.31	Khá		
46	1215093	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Nữ	30/09/1993	Bình Phước	6.82	Trung bình khá		
47	1215118	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	17/11/1994	Bình Định	7.08	Khá		
48	1215119	Thái Văn Hòa	Nam	06/05/1991	Cà Mau	7.03	Khá		
49	1215121	Nguyễn Vũ Nhật Hồng	Nữ	05/04/1994	Bình Thuận	7.86	Khá		
50	1215144	Bùi Vũ Hương	Nữ	19/11/1993	Đồng Nai	7.47	Khá		
51	1215145	Nguyễn Thị Kim Hương	Nữ	22/02/1994	Vĩnh Long	7.64	Khá		
52	1215149	Trần Thị Kết	Nữ	10/10/1994	Quảng Nam	7.01	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Sinh học (*D420101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

4 / 11

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Sinh hóa									
53	1215163	Nguyễn Thị Kiều Lan	Nữ	10/05/1993	Sóc Trăng	7.61	Khá		
54	1215177	Phan Thị Loan	Nữ	22/10/1994	Sông Bé	7.25	Khá		
55	1215183	Đoàn Thị Thanh Mai	Nữ	20/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.31	Khá		
56	1215241	Trần Nho Công Nhật	Nam	18/05/1994	Đắk Lắk	6.83	Trung bình khá		
57	1215263	Lê Thị Hương Phần	Nữ	06/07/1993	Tây Ninh	7.02	Khá		
58	1215300	Nguyễn Thị Cẩm Quỳnh	Nữ	21/08/1994	Sông Bé	7.72	Khá		
59	1215301	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	Nữ	20/08/1994	Quảng Ngãi	7.49	Khá		
60	1215310	Võ Thị Sương	Nữ	16/11/1994	Quảng Ngãi	7.71	Khá		
61	1215344	Phạm Minh Thông	Nam	19/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.02	Khá		
62	1215359	Trần Thị Thúy	Nữ	07/04/1994	Bình Định	7.91	Khá		
63	1215371	Trương Quang Thường	Nam	11/06/1994	Vĩnh Phúc	6.81	Trung bình khá		
64	1215406	Lê Ngọc Phương Trinh	Nữ	05/02/1994	Đồng Nai	8.10	Giỏi		
65	1215421	Huỳnh Thị Thanh Trúc	Nữ	14/04/1994	Sông Bé	6.89	Trung bình khá		
66	1215426	Lý Thành Tuấn	Nam	07/03/1994	Tây Ninh	7.64	Khá		
67	1215458	Phạm Vũ Văn Ý	Nữ	29/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.39	Khá		
68	1215473	Phạm Thị Chinh	Nữ	16/12/1994	Nam Hà	7.00	Khá		
69	1215501	Phan Thị Thu Hà	Nữ	16/10/1994	Đắk Lắk	6.47	Trung bình khá		
70	1215545	Lê Lâm Thanh Loan	Nữ	12/09/1994	Đồng Nai	8.02	Giỏi		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Sinh học (*D420101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

5 / 11

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Sinh hóa									
71	1215549	Phùng Thị Ly Ly	Nữ	03/05/1994	Bình Định	7.53	Khá		
72	1215570	Nguyễn Thành Nhân	Nam	09/02/1994	Sông Bé	7.09	Khá		
73	1215573	Nguyễn Trần Ý Nhi	Nữ	14/07/1994	Tiền Giang	6.90	Trung bình khá		
74	1215577	Trương Xuân Nương	Nữ	15/01/1994	Bình Định	7.51	Khá		
75	1215591	Phạm Thị Bích Phương	Nữ	08/05/1994	Tây Ninh	7.91	Khá		
76	1215599	Nguyễn Mai Quỳnh	Nữ	21/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.55	Trung bình khá		
77	1215620	Lại Nguyễn Minh Thư	Nữ	14/02/1994	Long An	8.18	Giỏi		
78	1215632	Nguyễn Kiều Trâm	Nữ	22/12/1994	Đồng Nai	7.60	Khá		
79	1215645	Nông Thị Thanh Tuyền	Nữ	19/06/1994	Đồng Nai	6.84	Trung bình khá		
80	1215654	Trần Nguyễn Bạch Vân	Nữ	30/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.05	Giỏi		
81	1215662	Lê Minh Xuân	Nam	30/09/1994	Bến Tre	7.31	Khá		
Chuyên ngành : Sinh thái - Tài nguyên sinh vật									
82	1215041	Nguyễn Ngọc Diệp	Nữ	12/09/1993	Gia Lai	6.62	Trung bình khá		
83	1215066	Trần Ngọc Phát Đạt	Nam	12/10/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.25	Khá		
84	1215072	Hoàng Thúy Giang	Nữ	25/05/1994	Hà Nội	6.59	Trung bình khá		
85	1215094	Trần Lê Quang Hạ	Nam	11/08/1994	Tây Ninh	6.67	Trung bình khá		
86	1215100	Ngô Thị Bảo Hân	Nữ	15/09/1994	Phú Yên	6.65	Trung bình khá		
87	1215116	Trần Thanh Hoàng	Nam	07/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.27	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Sinh học (*D420101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

6 / 11

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Sinh thái - Tài nguyên sinh vật									
88	1215165	Nguyễn Lê Quế Lâm	Nữ	06/02/1994	Long An	6.88	Trung bình khá		
89	1215235	Lê Mỹ Nhân	Nữ	13/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.90	Trung bình khá		
90	1215247	Lý Thị Cẩm Nhung	Nữ	02/11/1994	Sông Bé	7.01	Khá		
91	1215253	Bùi Ngọc Thảo Như	Nữ	07/11/1994	Quảng Ngãi	7.17	Khá		
92	1215303	Từ Như Quỳnh	Nữ	30/01/1994	Quảng Ngãi	7.32	Khá		
93	1215307	Lê Thị Sơn	Nữ	19/01/1994	Bình Dương	7.97	Khá		
94	1215326	Đặng Thị Thu Thảo	Nữ	22/05/1992	TP. Hồ Chí Minh	7.00	Khá		
95	1215349	Huỳnh Thị Minh Thu	Nữ	22/02/1994	Bến Tre	7.12	Khá		
96	1215361	Cao Ngọc Phương Thủy	Nữ	30/10/1994	Long An	7.58	Khá		
97	1215392	Phạm Hương Trang	Nữ	06/02/1994	Đồng Nai	6.71	Trung bình khá		
98	1215422	Trương Thị Thanh Trúc	Nữ	19/06/1994	Bình Phước	7.75	Khá		
99	1215456	Ngô Nguyễn Như Ý	Nữ	18/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.07	Giỏi		
100	1215619	Đinh Thị Vương Thư	Nữ	10/10/1993	Hà Tĩnh	6.75	Trung bình khá		
101	1215653	Nguyễn Lâm Hồng Kiều Vân	Nữ	14/08/1994	Tiền Giang	7.52	Khá		
Chuyên ngành : Sinh học Tổng quát									
102	1215053	Nguyễn Thanh Duy	Nam	13/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.67	Trung bình khá		
103	1215063	Lê Thị Kim Dương	Nữ	17/08/1994	Lâm Đồng	6.61	Trung bình khá		
104	1215071	Bùi Thị Cẩm Giang	Nữ	22/03/1994	Đắk Lắk	6.77	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Sinh học (*D420101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

7 / 11

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Sinh học Tổng quát									
105	1215076	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	02/01/1994	Hà Tĩnh	6.70	Trung bình khá		
106	1215088	Phan Đình Hải	Nam	27/04/1994	Đồng Nai	7.06	Khá		
107	1215160	Trương Cao Kiến	Nam	17/01/1994	Ninh Thuận	6.07	Trung bình khá		
108	1215174	Trần Nguyễn Phương Linh	Nữ	11/07/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.27	Trung bình khá		
109	1215189	Nguyễn Thị Mận	Nữ	26/06/1994	Bình Định	6.47	Trung bình khá		
110	1215231	Đặng Thị Ánh Nguyệt	Nữ	15/10/1994	Long An	6.34	Trung bình khá		
111	1215256	Phan Thị Quỳnh Như	Nữ	04/04/1994	Bình Định	7.33	Khá		
112	1215258	Đặng Hoàng Oanh	Nữ	19/03/1993	TP. Hồ Chí Minh	6.23	Trung bình khá		
113	1215269	Trần Thị Kim Phúc	Nữ	03/01/1994	Sông Bé	6.24	Trung bình khá		
114	1215299	Bùi Phương Quỳnh	Nữ	03/11/1993	TP. Hồ Chí Minh	7.43	Khá		
115	1215319	Chu Thị Thanh	Nữ	10/05/1994	Nghệ An	7.01	Khá		
116	1215397	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	21/01/1994	Bến Tre	6.57	Trung bình khá		
117	1215399	Hồ Lan Trâm	Nữ	07/03/1994	Bình Thuận	7.70	Khá		
118	1215400	Nguyễn Thị Hồng Trâm	Nữ	05/06/1994	Khánh Hòa	6.66	Trung bình khá		
119	1215401	Hồ Bảo Trân	Nữ	23/10/1994	Long An	6.75	Trung bình khá		
120	1215412	Nguyễn Cao Trí	Nam	04/12/1994	Bến Tre	6.70	Trung bình khá		
121	1215465	Trần Thiên Ân	Nam	21/08/1994	Đồng Nai	6.64	Trung bình khá		
122	1215557	Nguyễn Thái Hoàng Nam	Nam	26/03/1994	Gia Lai	6.51	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Sinh học (*D420101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

8 / 11

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Sinh học Tổng quát									
123	1215592	Phạm Thị Hà Phương	Nữ	14/07/1994	Hà Tĩnh	6.89	Trung bình khá		
124	1215665	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	12/02/1994	Nghệ Tĩnh	6.54	Trung bình khá		
Chuyên ngành : Sinh học Thực vật									
125	1215014	Dương Thị Ngọc Ánh	Nữ	16/11/1994	Hà Tĩnh	7.27	Khá		
126	1215190	Nguyễn Mến	Nam	28/04/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.01	Khá		
127	1215224	Tôn Lương Thảo Ngọc	Nữ	20/11/1994	Lâm Đồng	7.10	Khá		
128	1215230	Nguyễn Phan Hoàn Nguyên	Nam	26/04/1991	Quảng Nam-Đà Nẵng	6.66	Trung bình khá		
129	1215342	Phan Thị Kim Thoa	Nữ	30/09/1993	Lâm Đồng	7.14	Khá		
130	1215441	Nguyễn Thị Vân	Nữ	04/06/1993	Thanh Hóa	7.03	Khá		
131	1215448	Khúc Thị Vui	Nữ	10/04/1993	Lâm Đồng	7.34	Khá		
132	1215503	Đinh Thị Thanh Hằng	Nữ	12/01/1994	Phú Yên	7.48	Khá		
133	1215514	Hà Thị Thanh Hoa	Nữ	04/10/1994	Lâm Đồng	7.90	Khá		
134	1215532	Khoan Trần Phi Khanh	Nam	07/03/1994	Đồng Nai	7.26	Khá		
135	1215615	Trần Thanh Thắng	Nam	12/07/1994	Đồng Nai	8.62	Giỏi		
136	1215624	Lê Thị Thủy Tiên	Nữ	28/07/1993	Long An	7.56	Khá		
Chuyên ngành : Vi sinh									
137	1215030	Trần Thụy Hoài Châu	Nữ	14/11/1994	Bình Thuận	6.78	Trung bình khá		
138	1215035	Lý Long Cung	Nam	22/06/1992	Long An	7.05	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Sinh học (*D420101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

9 / 11

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vi sinh									
139	1215070	Huỳnh Thanh Đông	Nam	17/03/1994	Bình Định	7.12	Khá		
140	1215103	Võ Thị Hậu	Nữ	29/02/1994	Quảng Nam	7.05	Khá		
141	1215111	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Nữ	27/04/1994	Hà Tĩnh	7.08	Khá		
142	1215125	Lê Thị Huệ	Nữ	07/01/1994	Quảng Ngãi	7.56	Khá		
143	1215131	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	20/11/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.17	Khá		
144	1215137	Bùi Hữu Hưng	Nam	21/02/1993	Khánh Hòa	6.94	Trung bình khá		
145	1215176	Nguyễn Thị Loan	Nữ	24/11/1994	Bắc Giang	7.60	Khá		
146	1215184	Nguyễn Phan Hồng Mai	Nữ	24/01/1994	Đồng Nai	7.23	Khá		
147	1215194	Phan Đình Minh	Nam	28/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.70	Trung bình khá		
148	1215210	Âu Thúy Ngân	Nữ	20/10/1994	Bắc Ninh	6.75	Trung bình khá		
149	1215213	Lê Thị Bảo Ngân	Nữ	15/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.17	Giỏi		
150	1215281	Phạm Hoàng Uyên Phương	Nữ	05/05/1994	Bình Dương	6.84	Trung bình khá		
151	1215288	Ngô Thị Kim Phụng	Nữ	10/07/1994	Phú Yên	7.29	Khá		
152	1215292	Nguyễn Hồng Quế	Nữ	28/02/1994	Tiền Giang	7.09	Khá		
153	1215311	Huỳnh Thanh Tài	Nam	19/05/1993	Vĩnh Long	7.33	Khá		
154	1215341	Cao Ngọc Kim Thoa	Nữ	08/10/1994	Tiền Giang	6.71	Trung bình khá		
155	1215345	Đặng Lê Minh Thơ	Nữ	29/07/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.64	Trung bình khá		
156	1215351	Nguyễn Thị Hoài Thu	Nữ	05/01/1994	Đồng Nai	7.23	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Sinh học (*D420101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

10 / 11

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : Vi sinh									
157	1215358	Phạm Thị Thuý	Nữ	20/06/1994	Kon Tum	6.71	Trung bình khá		
158	1215360	Đào Lê Đoan Thùy	Nữ	28/08/1994	Khánh Hòa	6.48	Trung bình khá		
159	1215363	Phan Thị Thu Thủy	Nữ	28/08/1993	Phú Yên	7.46	Khá		
160	1215364	Cao Hoàng Anh Thư	Nữ	07/07/1993	Sông Bé	7.25	Khá		
161	1215365	Huỳnh Nguyễn Minh Thư	Nữ	17/07/1994	Bến Tre	7.43	Khá		
162	1215368	Hà Thị Thương Thương	Nữ	28/07/1994	Nam Định	7.33	Khá		
163	1215390	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	09/03/1994	Đồng Nai	7.77	Khá		
164	1215398	Trịnh Thị Trang	Nữ	21/01/1994	Thái Bình	7.54	Khá		
165	1215405	Hồ Thị Trinh	Nữ	20/10/1994	Quảng Ngãi	7.94	Khá		
166	1215423	Đặng Nữ Nhật Trường	Nữ	28/08/1994	Phú Yên	7.28	Khá		
167	1215442	Trần Cẩm Vân	Nữ	20/06/1994	Bình Định	6.61	Trung bình khá		
168	1215504	Phạm Thị Minh Hằng	Nữ	06/04/1994	Long An	7.95	Khá		
169	1215520	Hồ Hữu Hoàn	Nam	16/03/1994	Khánh Hòa	7.41	Khá		
170	1215529	Nguyễn Ngọc Hương	Nữ	08/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.65	Trung bình khá		
171	1215582	Tạ Thiên Phong	Nam	19/05/1994	Phú Yên	7.51	Khá		
172	1215589	Bùi Thị Hà Phương	Nữ	02/04/1994	Thanh Hoá	7.25	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Sinh học (*D420101*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

11 / 11

Tổng số sinh viên :	172
Số sinh viên đạt loại xuất sắc :	0
Số sinh viên đạt loại giỏi:	8
Số sinh viên đạt loại khá :	97
Số sinh viên đạt loại trung bình khá :	67
Số sinh viên đạt loại trung bình :	0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công Nghệ Sinh học (312) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNSH Công nghiệp									
1	1118007	Lê Cao Anh	Nam	05/10/1993	Hà Tĩnh	6.23	Trung bình khá		Kinh
2	1118030	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	21/04/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.05	Khá		Kinh
3	1118440	Nguyễn Thị Phương Thi	Nữ	27/12/1993	TP. Hồ Chí Minh	7.02	Khá		Kinh
4	1118524	Hà Thị Kim Tuyền	Nữ	18/12/1993	Tây Ninh	6.35	Trung bình khá		Kinh
Chuyên ngành : CNSH Nông nghiệp									
5	1118329	Võ Thị Oanh	Nữ	07/07/1993	Quảng Nam	7.05	Khá		Kinh
Chuyên ngành : Tổng Quát									
6	1118472	Hoàng Văn Tiến	Nam	27/03/1992	Đắk Lắk	6.14	Trung bình khá		Tày

Tổng số sinh viên : 6
Số sinh viên đạt loại xuất sắc : 0
Số sinh viên đạt loại giỏi : 0
Số sinh viên đạt loại khá : 3
Số sinh viên đạt loại trung bình khá : 3
Số sinh viên đạt loại trung bình : 0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ sinh học (*D420201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

1 / 10

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNSH Công nghiệp									
1	1218006	Nguyễn Việt Anh	Nam	04/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.02	Giỏi		
2	1218011	Trần Trúc Anh	Nữ	23/03/1994	Trà Vinh	7.46	Khá		
3	1218020	Phan Đặng Hồng Ân	Nữ	01/01/1994	Long An	7.06	Khá		
4	1218034	Nguyễn Thị Lan Chi	Nữ	11/03/1994	Khánh Hòa	8.44	Giỏi		
5	1218047	Đinh Thị Kim Dung	Nữ	07/08/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.27	Khá		
6	1218048	Đỗ Thị Dung	Nữ	08/05/1994	Đắk Lắk	6.68	Trung bình khá		
7	1218052	Đoàn Thị Hải Duyên	Nữ	27/01/1994	Đắk Lắk	6.47	Trung bình khá		
8	1218053	Trần Minh Tuệ Duyên	Nữ	17/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.57	Khá		
9	1218060	Trần Quang Duy	Nam	31/03/1994	Bình Định	7.65	Khá		
10	1218080	Trần Minh Đức	Nam	17/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.69	Khá		
11	1218085	Trần Thị Thu Giang	Nữ	01/04/1994	Long An	7.90	Khá		
12	1218086	Trương Thị Lê Giang	Nữ	01/11/1994	Quảng Nam	7.69	Khá		
13	1218093	Đào Văn Hào	Nam	22/10/1994	Phú Yên	7.36	Khá		
14	1218094	Nguyễn Đặng Thanh Hào	Nam	09/11/1994	Thái Bình	7.70	Khá		
15	1218102	Nguyễn Đặng Bích Hằng	Nữ	11/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.23	Khá		
16	1218108	Huỳnh Trọng Hiếu	Nam	09/11/1994	Kon Tum	7.63	Khá		
17	1218109	Lê Thị Hiếu	Nữ	15/10/1994	Nghệ An	7.24	Khá		
18	1218114	Hứa Thị Hiền	Nữ	09/10/1994	Đắk Lắk	7.40	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ sinh học (*D420201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

2 / 10

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNSH Công nghiệp									
19	1218115	Nguyễn Diệu Hiền	Nữ	28/07/1994	Quảng Ngãi	7.76	Khá		
20	1218116	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	20/07/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.48	Khá		
21	1218117	Phạm Ngọc Hiền	Nữ	10/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.61	Khá		
22	1218122	Phạm Thị Hoa	Nữ	01/01/1993	Quảng Bình	7.63	Khá		
23	1218126	Nguyễn Trọng Hòa	Nam	22/03/1994	Nghệ An	7.70	Khá		
24	1218127	Lâm Xuân Hồng	Nữ	02/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.05	Giỏi		
25	1218131	Lê Thị Mỹ Huyền	Nữ	27/10/1994	Quảng Ngãi	7.81	Khá		
26	1218139	Trần Khắc Huy	Nam	17/02/1994	Hà Nam	8.02	Giỏi		
27	1218145	Nguyễn Văn Hùng	Nam	24/01/1994	Khánh Hòa	7.54	Khá		
28	1218167	Đỗ Minh Khuê	Nam	19/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.21	Khá		
29	1218169	Nguyễn Trung Kiên	Nam	29/11/1988	Hà Nội	7.28	Khá		
30	1218184	Đinh Thị Phương Linh	Nữ	12/01/1994	Bình Định	8.13	Giỏi		
31	1218190	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	12/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.76	Khá		
32	1218207	Đỗ Thị Trúc Ly	Nữ	15/03/1994	Đồng Nai	7.97	Khá		
33	1218218	Ngô Thị Minh	Nữ	08/04/1994	Hà Tĩnh	7.39	Khá		
34	1218224	Đỗ Minh Tiểu Muội	Nữ	17/02/1994	Tây Ninh	8.17	Giỏi		
35	1218225	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	25/02/1994	Đắk Lắk	7.48	Khá		
36	1218229	Ngô Thị Thúy Nga	Nữ	06/10/1994	Phú Yên	7.55	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ sinh học (*D420201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

3 / 10

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNSH Công nghiệp									
37	1218230	Nguyễn Thị Tổ Nga	Nữ	01/08/1994	Tây Ninh	7.50	Khá		
38	1218238	Trần Đặng Mỹ Ngân	Nữ	07/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.08	Khá		
39	1218241	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Nữ	09/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.12	Khá		
40	1218242	Nguyễn Thụy Như Ngọc	Nữ	15/08/1994	Quảng Ngãi	7.28	Khá		
41	1218250	Phùng Thị Nha	Nữ	16/05/1994	Bình Định	7.87	Khá		
42	1218254	Nguyễn Ngọc Chí Nhân	Nam	29/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.17	Giỏi		
43	1218259	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	Nữ	28/03/1994	An Giang	7.71	Khá		
44	1218265	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Nữ	10/04/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	8.63	Giỏi		
45	1218268	Lê Thị Huỳnh Như	Nữ	30/04/1994	Đồng Tháp	8.11	Giỏi		
46	1218286	Trần Minh Phúc	Nam	14/09/1994	Bình Thuận	7.38	Khá		
47	1218291	Nguyễn Thị Lập Phương	Nữ	02/09/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.16	Khá		
48	1218299	Trần Hồng Quân	Nam	05/01/1994	Đồng Nai	7.71	Khá		
49	1218307	Nguyễn Ngọc Quý	Nữ	22/04/1994	Tiền Giang	8.27	Giỏi		
50	1218317	Huỳnh Đình Bảo Sơn	Nam	16/01/1994	Bến Tre	6.62	Trung bình khá		
51	1218326	Nguyễn Khắc Minh Tài	Nam	10/09/1994	Bình Thuận	7.34	Khá		
52	1218327	Đặng Thị Bích Tâm	Nữ	08/10/1994	Bình Thuận	7.64	Khá		
53	1218343	Dương Thị Thanh Thảo	Nữ	28/08/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.73	Khá		
54	1218350	Phan Hoàng Phương Thảo	Nữ	13/10/1994	Gia Lai	7.68	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ sinh học (*D420201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

4 / 10

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNSH Công nghiệp									
55	1218357	Võ Thị Thu Thảo	Nữ	17/02/1994	Quảng Ngãi	7.44	Khá		
56	1218358	Đặng Hồng Thẩm	Nữ	27/03/1994	Bến Tre	7.67	Khá		
57	1218363	Tô Hoàng Thiện	Nam	18/01/1994	Bình Định	7.74	Khá		
58	1218377	Chiêm Thuận	Nam	25/03/1994	Kiên Giang	6.32	Trung bình khá		
59	1218379	Nguyễn Quốc Thuận	Nam	04/11/1994	Vĩnh Long	8.18	Giỏi		
60	1218393	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	24/08/1994	Tiền Giang	8.13	Giỏi		
61	1218412	Ngô Thị Mỹ Trang	Nữ	11/08/1994	Phú Yên	7.50	Khá		
62	1218421	Phạm Hoàng Triều	Nam	01/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.36	Trung bình khá		
63	1218422	Phùng Thị Hải Triều	Nữ	09/07/1994	Sông Bé	7.02	Khá		
64	1218440	Nguyễn Thị Thu Tuyết	Nữ	10/11/1994	Khánh Hòa	7.44	Khá		
65	1218442	Bùi Mộng Tuyền	Nữ	08/12/1994	Bình Định	7.11	Khá		
66	1218448	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	15/09/1994	Bến Tre	7.48	Khá		
67	1218459	Nguyễn Trần Lê Văn	Nam	07/10/1994	Long An	7.92	Khá		
68	1218463	Nguyễn Thanh Thiên Vân	Nữ	25/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.50	Khá		
69	1218466	Đặng Nguyễn Thảo Vi	Nữ	30/11/1994	Phú Yên	7.51	Khá		
70	1218476	Hoàng Khắc Vũ	Nam	01/03/1993	Đồng Nai	7.13	Khá		
71	1218480	Ngô Thị Nhật Vy	Nữ	26/10/1994	Quảng Nam	7.18	Khá		
72	1218483	Phạm Thị Thảo Vy	Nữ	28/04/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.62	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ sinh học (*D420201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

5 / 10

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNSH Công nghiệp									
73	1218485	Lê Thị Xuân	Nữ	03/10/1994	Nghệ An	7.10	Khá		
74	1218488	Nguyễn Thị Hồng Yến	Nữ	28/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.65	Trung bình khá		
75	1218491	Phạm Thị Nhật Ý	Nữ	30/09/1993	Đắk Lắk	7.30	Khá		
76	1218494	Hoàng Tuấn Duy	Nam	10/03/1993	Đắk Lắk	6.51	Trung bình khá		
77	1218495	Trần Di Minh Đức	Nam	27/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.20	Giỏi		
78	1218509	Lương Thị Phê	Nữ	06/01/1992	Lạng Sơn	6.33	Trung bình khá		
79	1218520	Phạm Tiến Dũng	Nam	16/06/1993	TP. Hồ Chí Minh	7.52	Khá		
Chuyên ngành : CNSH Nông nghiệp									
80	1218036	Huỳnh Văn Chung	Nam	20/03/1994	Bình Định	7.72	Khá		
81	1218113	Huỳnh Minh Hiền	Nam	15/01/1994	Bến Tre	7.99	Khá		
82	1218150	Dương Thu Hương	Nữ	21/06/1994	Hà Nội	7.48	Khá		
83	1218185	Hoàng Mỹ Linh	Nữ	21/08/1994	Sông Bé	6.67	Trung bình khá		
84	1218213	Phạm Thị Ngọc Mai	Nữ	30/03/1994	Long An	7.05	Khá		
85	1218261	Triệu Thị Yến Nhi	Nữ	07/02/1994	Tiền Giang	7.50	Khá		
86	1218298	Phạm Minh Quang	Nam	03/12/1994	Tây Ninh	7.17	Khá		
87	1218305	Quảng Thị Trúc Quyên	Nữ	07/08/1994	Bến Tre	8.29	Giỏi		
88	1218306	Võ Thị Thảo Quyên	Nữ	10/07/1993	Tiền Giang	7.21	Khá		
89	1218309	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	10/06/1994	Nghệ An	6.78	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ sinh học (*D420201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

6 / 10

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNSH Nông nghiệp									
90	1218310	Trần Ngọc Quỳnh	Nam	11/03/1994	Thái Bình	8.35	Giỏi		
91	1218336	Võ Minh Tân	Nam	01/01/1994	An Giang	7.06	Khá		
92	1218367	Trương Thị Mộng Thi	Nữ	26/12/1994	Đồng Tháp	7.87	Khá		
93	1218392	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Nữ	21/07/1994	Tiền Giang	6.66	Trung bình khá		
94	1218395	Võ Tấn Thương	Nam	24/08/1994	Bình Định	7.25	Khá		
95	1218396	Nguyễn Thường	Nam	11/01/1994	Lâm Đồng	8.27	Giỏi		
96	1218397	Lê Thị Mỹ Tiên	Nữ	15/07/1994	Bình Thuận	7.64	Khá		
97	1218424	Ngô Lê Phương Trinh	Nữ	03/09/1993	Bình Thuận	7.74	Khá		
98	1218426	Hồ Phan Minh Trí	Nam	27/10/1993	TP. Hồ Chí Minh	8.40	Giỏi		
99	1218439	Hà Thị Tuyết	Nữ	01/02/1994	Nghệ An	6.78	Trung bình khá		
100	1218445	Tăng Vĩ Tuyền	Nam	12/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.45	Khá		
101	1218447	Nguyễn Đỗ Anh Tú	Nam	03/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.56	Khá		
102	1218454	Nguyễn Mạnh Tường	Nam	29/09/1993	Bình Định	7.03	Khá		
103	1218458	Lê Thị Vàng	Nữ	15/05/1994	Tiền Giang	6.95	Trung bình khá		
104	1218499	Trần Thị Kim Khuê	Nữ	24/07/1993	An Giang	6.52	Trung bình khá		
105	1218503	Thạch Thị Tuyết Minh	Nữ	17/10/1993	Sóc Trăng	6.65	Trung bình khá		
Chuyên ngành : CNSH Tổng Quát									
106	1218002	Lê Thị Ngọc Anh	Nữ	07/06/1994	Nghệ An	6.86	Trung bình khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ sinh học (*D420201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

7 / 10

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNSH Tổng Quát									
107	1218003	Lê Thị Thúy Anh	Nữ	21/04/1994	Bến Tre	6.98	Trung bình khá		
108	1218355	Võ Thị Phương Thảo	Nữ	20/02/1994	Đắk Lắk	6.53	Trung bình khá		
Chuyên ngành : CNVL Sinh học									
109	1218049	Lạc Thùy Dung	Nữ	29/08/1994	Tiền Giang	8.33	Giỏi		
110	1218071	Tô Thành Đạt	Nam	23/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.25	Khá		
111	1218103	Trần Thị Kim Hằng	Nữ	22/10/1994	Đồng Nai	8.15	Giỏi		
112	1218258	Huỳnh Anh Nhi	Nữ	13/07/1994	Quảng Nam	7.09	Khá		
113	1218273	Phạm Thị Yến Như	Nữ	28/03/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.97	Trung bình khá		
114	1218284	Nguyễn Lê Đại Phúc	Nam	08/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.11	Khá		
115	1218300	Trương Long Quân	Nam	15/02/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.12	Khá		
116	1218321	Phạm Thị Bích Sơn	Nữ	14/09/1994	Bình Định	8.34	Giỏi		
117	1218451	Phạm Duy Tùng	Nam	14/09/1994	Lâm Đồng	7.23	Khá		
118	1218475	Đặng Ngô Linh Vũ	Nam	04/04/1994	Đắk Lắk	6.68	Trung bình khá		
Chuyên ngành : CNSH Y - Dược									
119	1218010	Phạm Vân Anh	Nữ	08/08/1993	TP. Hồ Chí Minh	7.25	Khá		
120	1218018	Hồ Thị Tuyết Ân	Nữ	02/04/1994	Tiền Giang	7.33	Khá		
121	1218040	Nguyễn Phú Cường	Nam	12/10/1994	Bến Tre	7.27	Khá		
122	1218043	Trần Hồng Diễm	Nữ	29/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.16	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ sinh học (*D420201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

8 / 10

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNSH Y - Dược									
123	1218063	Võ Anh Dũng	Nam	27/08/1994	Bình Định	6.74	Trung bình khá		
124	1218133	Nguyễn Thị Nhật Huyền	Nữ	12/09/1994	Bình Định	7.10	Khá		
125	1218137	Nguyễn Đức Huy	Nam	03/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.90	Khá		
126	1218161	Lê Thị Toàn Khoa	Nữ	13/10/1993	Sông Bé	7.59	Khá		
127	1218179	Phan Thị Lễ	Nữ	06/02/1994	Bình Định	7.51	Khá		
128	1218182	Đào Mỹ Linh	Nữ	21/12/1994	Kon Tum	8.08	Giỏi		
129	1218186	Huỳnh Khánh Linh	Nữ	04/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.06	Giỏi		
130	1218193	Phạm Thị Mỹ Linh	Nữ	07/02/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.83	Trung bình khá		
131	1218198	Huỳnh Kiều Loan	Nữ	10/10/1994	Tây Ninh	7.08	Khá		
132	1218201	Lê Đăng Lộc	Nam	02/09/1994	Đồng Nai	7.66	Khá		
133	1218220	Nguyễn Hoàng Minh	Nam	22/03/1994	Khánh Hòa	8.23	Giỏi		
134	1218232	Lê Thị Thùy Ngân	Nữ	13/04/1994	Phú Yên	6.96	Trung bình khá		
135	1218260	Trần Uyển Nhi	Nữ	22/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.27	Giỏi		
136	1218281	Nguyễn Hoàng Thanh Phúc	Nam	24/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.25	Khá		
137	1218282	Nguyễn Hoàng Thiên Phúc	Nam	05/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.45	Giỏi		
138	1218283	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	04/05/1994	Đồng Nai	6.71	Trung bình khá		
139	1218296	Lê Thị Bích Phượng	Nữ	02/06/1994	Khánh Hòa	7.81	Khá		
140	1218297	Huỳnh Kiến Quang	Nam	19/11/1994	Kiên Giang	7.44	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ sinh học (*D420201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

9 / 10

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNSH Y - Dược									
141	1218303	Lê Thị Tố Quyên	Nữ	09/09/1994	Phú Yên	7.93	Khá		
142	1218315	Phan Thị Sơn	Nữ	08/01/1994	Khánh Hòa	7.29	Khá		
143	1218320	Phạm Công Sơn	Nam	17/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.10	Giỏi		
144	1218333	Nguyễn Thành Tân	Nam	13/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	7.33	Khá		
145	1218335	Phan Thái Duy Tân	Nam	02/01/1994	Khánh Hòa	7.38	Khá		
146	1218339	Trần Hà Lan Thanh	Nữ	26/05/1994	Bình Định	7.81	Khá		
147	1218353	Trương Thị Phương Thảo	Nữ	11/02/1994	Lâm Đồng	7.76	Khá		
148	1218356	Võ Thị Thanh Thảo	Nữ	18/12/1994	Sông Bé	6.65	Trung bình khá		
149	1218386	Phạm Xuân Thuý	Nữ	15/08/1994	Lâm Đồng	7.59	Khá		
150	1218401	Phạm Thị Mỹ Tiên	Nữ	24/09/1994	Tiền Giang	6.64	Trung bình khá		
151	1218416	Nguyễn Thị Minh Trâm	Nữ	12/08/1994	Bình Định	7.36	Khá		
152	1218420	Lý Hải Triều	Nam	07/11/1994	Long An	7.71	Khá		
153	1218427	Đinh Hữu Tuấn Trình	Nam	01/10/1993	Quảng Nam	7.33	Khá		
154	1218434	Trần Thanh Trường	Nam	21/08/1994	Bình Thuận	7.17	Khá		
155	1218437	Huỳnh Anh Tuấn	Nam	19/02/1994	Tiền Giang	7.83	Khá		
156	1218441	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	11/08/1994	Khánh Hòa	7.46	Khá		
157	1218443	Huỳnh Đàm Kim Tuyền	Nữ	04/11/1994	Tiền Giang	8.04	Giỏi		
158	1218446	Bùi Thị Cẩm Tú	Nữ	15/08/1994	Đồng Nai	7.59	Khá		



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngành : Công nghệ sinh học (*D420201*) Hệ : Đại học chính quy
Đợt tháng 9 năm 2016

10 / 10

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB_TL	Hạng TN	Quốc tịch	Dân tộc
Chuyên ngành : CNSH Y - Dược									
159	1218449	Trần Lâm Cẩm Tú	Nữ	08/07/1994	Sông Bé	7.71	Khá		
160	1218453	Phan Văn Tươi	Nam	10/08/1994	Bình Định	8.08	Giỏi		
161	1218460	Đoàn Thị Hồng Vân	Nữ	29/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.05	Giỏi		
162	1218462	Huỳnh Thị Tường Vân	Nữ	19/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.70	Trung bình khá		
163	1218481	Nguyễn Hồng Thuỳ Vy	Nữ	08/03/1994	Lâm Đồng	8.01	Giỏi		
164	1218507	Kator Thị Nội	Nữ	01/01/1993	Ninh Thuận	6.42	Trung bình khá		
165	1218519	Võ Nguyên Đan Linh	Nữ	02/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	8.23	Giỏi		

Tổng số sinh viên : 165
Số sinh viên đạt loại xuất sắc : 0
Số sinh viên đạt loại giỏi: 31
Số sinh viên đạt loại khá : 106
Số sinh viên đạt loại trung bình khá : 28
Số sinh viên đạt loại trung bình : 0

Ngày 22 tháng 09 năm 2016

Hiệu Trưởng